

LỜI MỞ ĐẦU

Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường đã khẳng định tầm quan trọng của thương mại trong đời sống kinh tế xã hội. Với vai trò là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, thương mại đã làm cho quá trình lưu thông hàng hoá được nhanh chóng và thuận tiện hơn, người mua có thể tìm thấy ở doanh nghiệp kinh doanh thương mại nhiều loại hàng hoá mà mình cần. Trước đây, trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, các doanh nghiệp thương mại hoạt động theo chỉ tiêu sản xuất của nhà nước. Nhưng hiện nay, để đứng vững và phát triển doanh nghiệp thương mại phải nắm bắt và đáp ứng được tâm lý, nhu cầu của người tiêu dùng với sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ, mẫu mã phong phú nhằm làm tốt cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng cũng như góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển.

Đối với tất cả các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp kinh doanh thương mại nói riêng thì vấn đề doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh luôn được đặt ra trước nhất. Bởi vì nó cho ta thấy được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp có tốt không, có đạt được mục tiêu là doanh thu cao, chi phí thấp, lợi nhuận nhiều như doanh nghiệp đó đã đề ra không. Đó cũng là mục tiêu hàng đầu của mọi doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Với tư cách là công cụ quản lý kinh tế, kế toán đã theo dõi, phản ánh, ghi chép đầy đủ những thông tin cần thiết liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để cung cấp cho các doanh nghiệp. Nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở các doanh nghiệp nói chung và Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II nói riêng, bằng kiến thức lý luận được trang bị ở nhà trường và sự giúp đỡ tận tình của Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương và các cô chú, anh chị trong phòng kế toán Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II, em lựa chọn đi sâu nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II”**.

Nội dung của đề tài đề cập đến những vấn đề lý luận chung, thực tế và những đánh giá, giải pháp hoàn thiện về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Chi nhánh, nội dung được trình bày cụ thể như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.

Với kiến thức tích lũy còn hạn chế, phạm vi đề tài rộng và thời gian thực tế chưa có nhiều nên bài viết khó tránh khỏi những thiếu sót, em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo, các cô chú, anh chị trong phòng kế toán Chi nhánh để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Ngô Thị Duyên

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.****1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Trước đây, trong cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở các doanh nghiệp hầu như được Nhà nước “lo” cho toàn bộ. Nếu kinh doanh có lãi thì doanh nghiệp được hưởng còn thua lỗ thì Nhà nước chịu. Vì vậy, công tác này thường bị các doanh nghiệp xem nhẹ. Khi chuyển sang cơ chế thị trường, các doanh nghiệp phải tự chủ trong sản xuất kinh doanh, không còn sự bao cấp của Nhà nước thì việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trở nên vô cùng quan trọng. Các doanh nghiệp phải tổ chức tốt được công tác này mới có thể đưa ra được các biện pháp để tăng doanh thu, giảm chi phí và tối đa hóa lợi nhuận.

- **Doanh thu:** Là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Chi phí:** Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- **Kết quả kinh doanh:** Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

1.1.2. Các loại hoạt động kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp được chia thành ba hoạt động cơ bản sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh: Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.
- Hoạt động tài chính: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.
- Hoạt động khác: Là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, tùy vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình mà một doanh nghiệp cũng có thể chỉ có một hoặc hai trong ba hoạt động kinh doanh nói trên.

Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (bao gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ giá trị sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.
- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp được xác định theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ xác định kết quả kinh doanh

Doanh thu bán hàng và cung cấp DV				
Các khoản giảm trừ	Doanh thu thuần từ bán hàng và CCDV			
	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp	Doanh thu HĐ tài chính	
		Chi phí BH, QLDN, chi phí tài chính	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	Thu nhập khác
			Tổng lợi nhuận trước thuế	Chi phí khác
			Lợi nhuận sau thuế	CP thuế TNDN

1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

1.3. Sự cần thiết của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hoá lợi nhuận và giảm thiểu hoá chi phí). Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận của một doanh nghiệp chính là doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng. Với việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp các nhà quản trị doanh nghiệp sẽ nắm bắt được thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đề ra những quyết định, phương hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ cần thiết đối với các nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

+ Đối với nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay bao nhiêu và vay trong bao lâu.

+ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước,...

1.4. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.4.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.

Bán hàng (hay tiêu thụ hàng hoá) là giai đoạn cuối cùng của quá trình tuần hoàn vốn trong doanh nghiệp, nó là quá trình thực hiện về mặt giá trị của hàng hoá. Trong mỗi quan hệ này, doanh nghiệp phải chuyển giao hàng hoá cho người mua và người mua phải chuyển giao cho doanh nghiệp số tiền mua hàng tương ứng với giá trị của hàng hoá đó.

Vậy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Tuy nhiên, trong quá trình bán hàng cũng phát sinh một số trường hợp mà doanh nghiệp thường không mong muốn vì nó làm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm sút. Đó là các khoản giảm trừ doanh thu, bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai qui cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- Trị giá hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Để xác định và ghi nhận doanh thu mỗi doanh nghiệp cần phải tuân theo những quy định trong chuẩn mực số 14: “Doanh thu và thu nhập khác”.

- Ghi nhận doanh thu và các chi phí phải theo một nguyên tắc phù hợp, khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

- Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
 - + Xác định được chi phí phát sinh giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Khi hàng hoá dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.
- Nếu trong kỳ phát sinh những khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, hàng bán bị trả lại thì được hạch toán riêng biệt các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu và ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.
- TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ trong kỳ không phân biệt doanh nghiệp đã thu tiền hay sẽ thu tiền.
- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;
- Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.
- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.
- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

Các phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường, để thúc đẩy quá trình tiêu thụ các doanh nghiệp sử dụng rất linh hoạt các phương thức bán hàng. Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng các tài khoản kế toán phản ánh tình hình xuất kho hàng hóa. Đồng thời có tính chất quyết định đối với việc xác định

thời điểm bán hàng và ghi nhận doanh thu, tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận. Các phương thức bán hàng mà các doanh nghiệp thường áp dụng bao gồm:

- Bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất. Bán hàng trực tiếp còn bao gồm bán buôn và bán lẻ, song phương thức giao hàng phải được thực hiện tại đơn vị sản xuất.

+ Bán buôn: Là các quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn nằm trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện hoàn toàn. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên với người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và được quyền sở hữu tiền tệ.

- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao thì số hàng này mới được coi là tiêu thụ. Bán hàng theo phương thức này gồm hai loại bán buôn và bán lẻ, song phương thức giao hàng không tại kho hoặc đơn vị sản xuất mà giao tại bên mua hoặc tại các cửa hàng tiêu thụ.

- Bán hàng qua đại lý: Về bản chất, bán hàng theo phương thức này là bán theo phương thức chuyển hàng. Song, trong trường hợp này, bên giao phải trả cho bên đại lý một khoản tiền gọi là tiền hoa hồng đại lý.

- Bán hàng cho trả góp: Thực chất của phương thức bán hàng này là bán hàng trực tiếp kết hợp với nghiệp vụ cho khách hàng vay vốn. Vì vậy, tiền thu được từ quá trình bán hàng phải chia làm hai phần: Phần doanh thu bán hàng (tính theo giá bán tính tiền một lần) và doanh thu từ hoạt động tài chính (phần lãi cho khách hàng trả góp).

- Bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng: Nghĩa là doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả trên thị trường rồi dùng số tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này, doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.

- Bán hàng theo phương thức tiêu thụ sản phẩm nội bộ: Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

1.4.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp.

Mỗi khi ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thì đồng thời kế toán phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng đó chính là giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp tính giá vốn hàng bán:

Trong mỗi doanh nghiệp hàng tồn kho đều được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau với các đơn giá khác nhau, vì vậy việc lựa chọn phương pháp tính giá thực tế hàng xuất kho... sẽ phụ thuộc vào đặc điểm của hàng tồn kho, yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp.

Để tính trị giá hàng xuất kho, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp sau đây:

- Phương pháp bình quân gia quyền:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}$$

Đây là phương pháp khá đơn giản, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ. Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm lớn là công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh

hưởng đến tiến độ của các phân hành khác. Hơn nữa, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó. Phương pháp này thích hợp với những hàng hoá giá trị cao gắn với những đặc điểm riêng của nó.

- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):

FIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Phương pháp này giúp cho chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm là làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại.

- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):

LIFO được giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

- Phương pháp giá hạch toán:

Đối với các doanh nghiệp có nhiều loại hàng, giá cả thường xuyên biến động, nghiệp vụ nhập xuất hàng diễn ra thường xuyên thì việc hạch toán hàng ngày nên sử dụng giá hạch toán.

Doanh nghiệp có thể sử dụng giá kế hoạch hoặc giá mua hàng hoá ở một thời điểm nào đó hay giá hàng bình quân tháng trước để làm giá hạch toán nhập, xuất, tồn kho hàng trong khi chưa tính được giá thực tế của nó. Cuối tháng phải tính chuyển giá hạch toán của hàng xuất, tồn kho theo giá thực tế. Việc tính chuyển dựa trên cơ sở hệ số giữa giá thực tế và giá hạch toán.

$$\text{Hệ số giá SP, hàng hoá} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá nhập kho trong kỳ}}{\text{Trị giá hạch toán SP, hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hạch toán SP, hàng hoá nhập kho trong kỳ}}$$

Sau khi tính hệ số giá, kế toán tiến hành điều chỉnh giá hạch toán trong kỳ thành giá thực tế vào cuối kỳ kế toán.

Trị giá thực tế hàng xuất trong kỳ = Hệ số giá x Trị giá hạch toán của hàng xuất kho trong kỳ

Trị giá thực tế hàng tồn kho cuối kỳ = Hệ số giá x Trị giá hạch toán của hàng tồn kho cuối kỳ

1.4.1.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Theo phương pháp này kế toán sử dụng các loại chứng từ, tài khoản, sổ sách cũng như cách thức hạch toán như sau:

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Giấy báo có của ngân hàng, sổ phụ ngân hàng

Tài khoản sử dụng:**TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****- Bên Nợ:**

- + Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ.
- + Khoản giảm giá hàng bán
- + Trị giá hàng bán bị trả lại
- + Khoản chiết khấu thương mại
- + Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- Bên có:

- + Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ. TK 511 có 04 tài khoản cấp 2:

- + TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá: Được sử dụng chủ yếu cho các doanh nghiệp kinh doanh hàng hoá, vật tư.
- + TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm: Được sử dụng ở các doanh nghiệp sản xuất vật tư như: công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp.
- + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ: Được sử dụng cho các ngành nghề kinh doanh dịch vụ như: giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học kỹ thuật.
- + TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá: được dùng để phản ánh các khoản thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

+ TK 5117: Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư: được dùng để phản ánh doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư bao gồm số tiền cho thuê tính theo kỳ báo cáo và giá bán BĐS đầu tư.

TK 521: Chiết khấu thương mại

- Bên Nợ:

+ Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

- Bên Có:

+ Kết chuyển toàn bộ chiết khấu thương mại sang tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

TK 521 không có số dư cuối kỳ. TK 521 có 03 tài khoản cấp 2:

+ TK 5211 - Chiết khấu hàng hoá: Phản ánh toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại (tính trên khối lượng hàng hoá đã bán ra) cho người mua hàng.

+ TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm: Phản ánh toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại trên khối lượng sản phẩm đã bán ra cho người mua thành phẩm.

+ TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ: Phản ánh toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại tính trên khối lượng dịch vụ đã cung cấp cho người mua dịch vụ.

TK 531: Hàng bán bị trả lại

- Bên Nợ:

+Giá trị của hàng bán bị trả lại.

- Bên Có:

+ Kết chuyển toàn bộ giá trị hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

TK 532: Giảm giá hàng bán

- Bên Nợ:

+ Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng

- Bên Có:

+ Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán sang TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

TK 632: Giá vốn hàng bán

- Bên Nợ:

+ Phản ánh giá vốn sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.

+ Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.

+ Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

+ Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

+ Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.

+ Phản ánh các khoản chi phí liên quan đến BĐS đầu tư đem cho thuê, bán, thanh lý và giá trị còn lại của BĐS đem bán, thanh lý.

- Bên Có:

+ Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

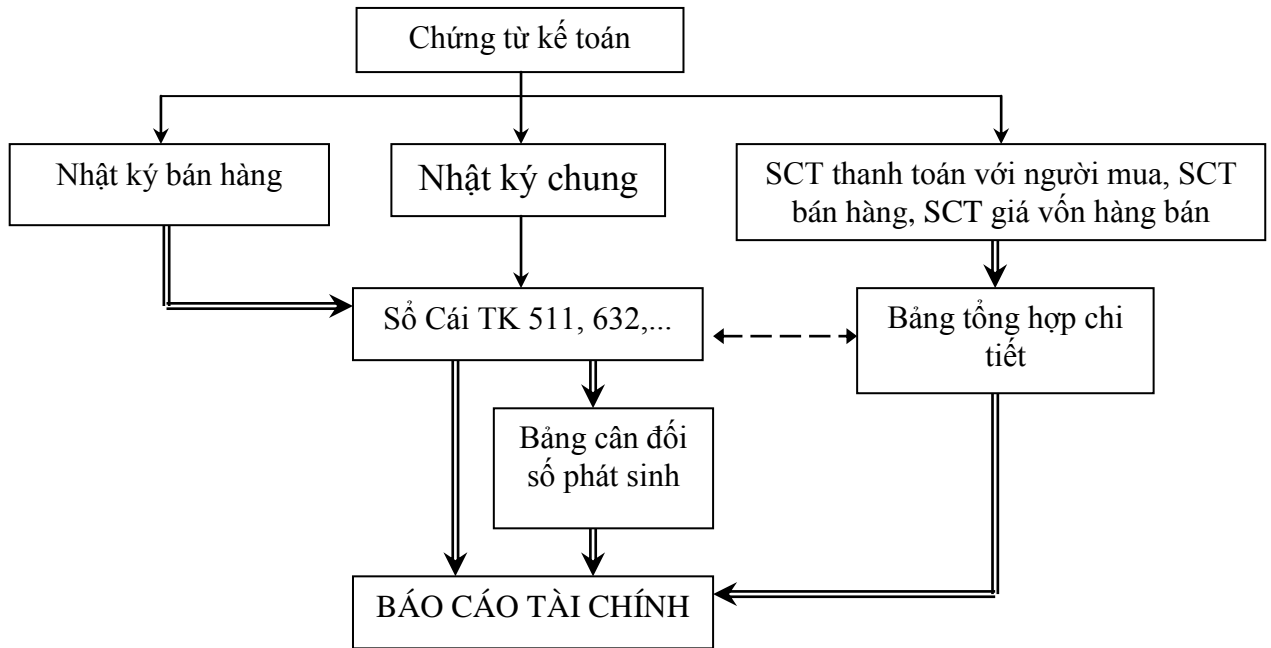
+ Giá vốn của hàng bán bị trả lại.

+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ và toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ sang TK911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 632 không có số dư.

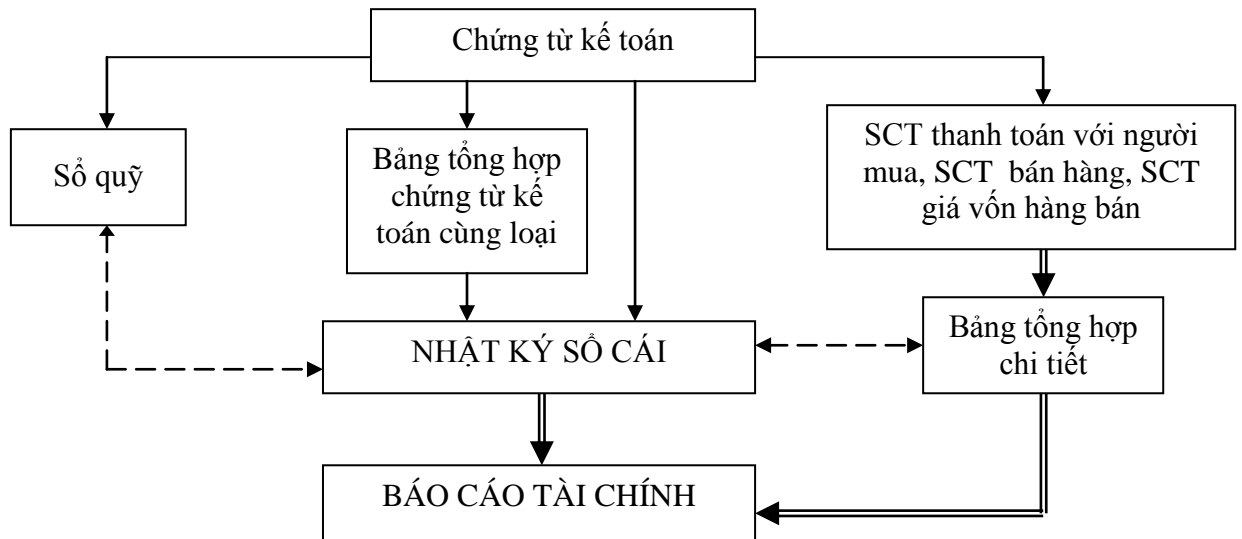
Sổ sách sử dụng:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung:



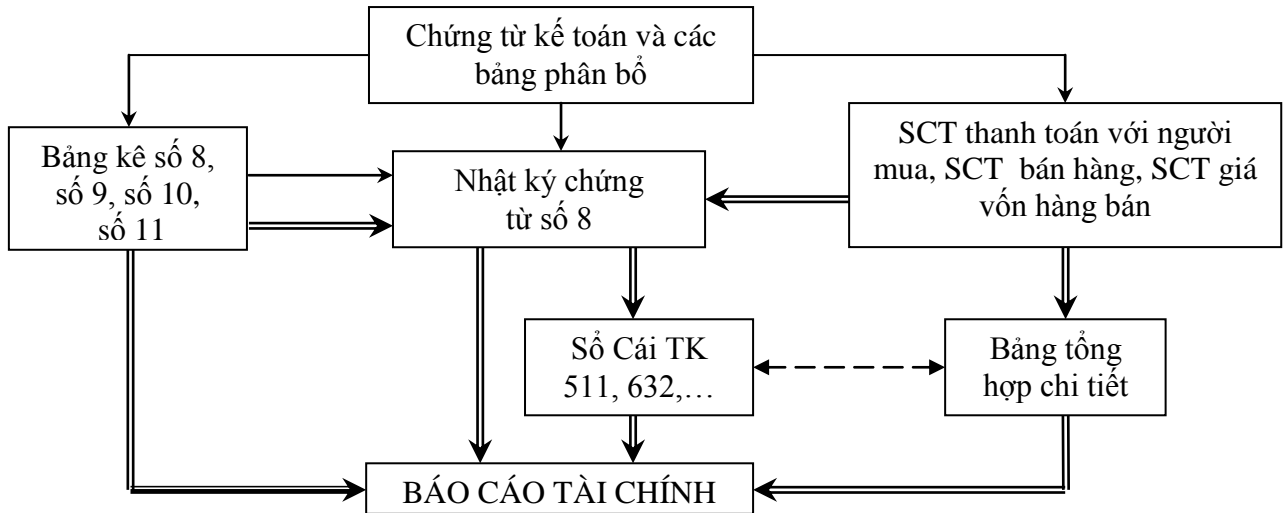
- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng
 - ↔ Đối chiếu

- Hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái:



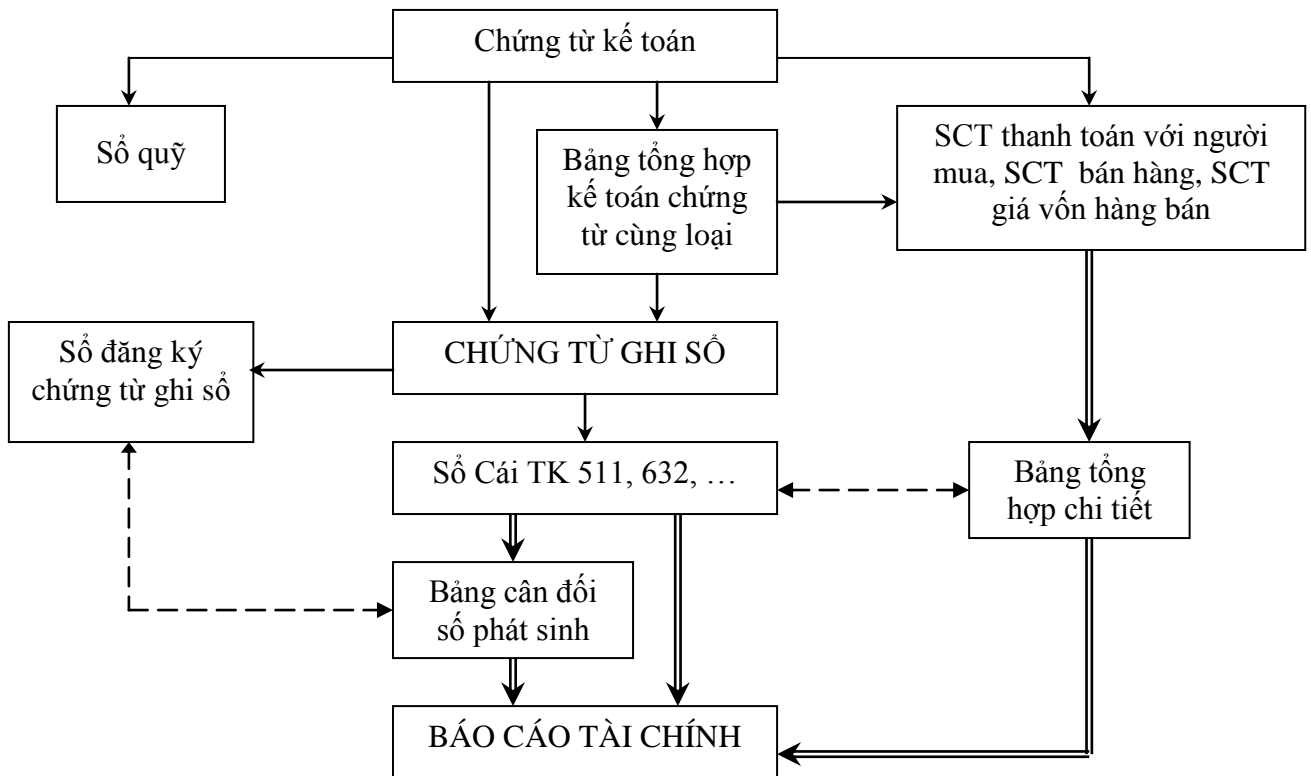
- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng
 - ↔ Đối chiếu

- Hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ:



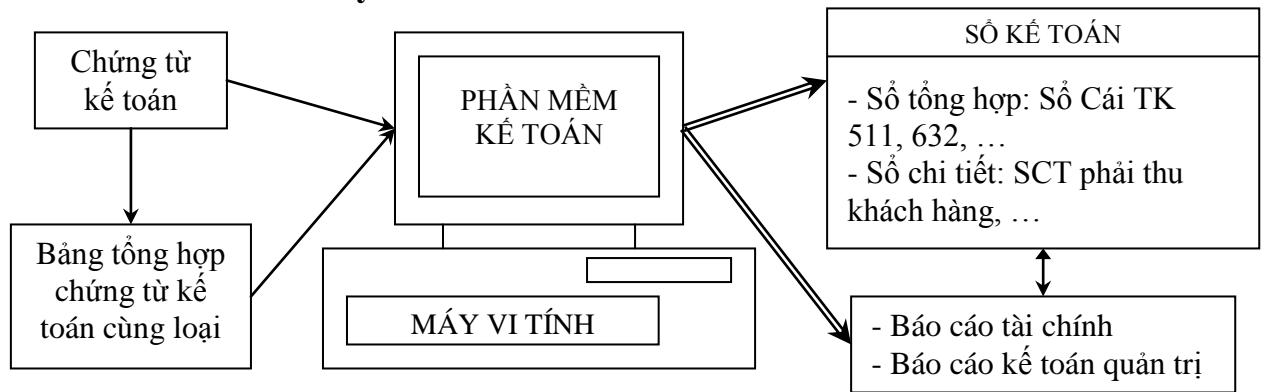
- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng
 - ↔ Đối chiếu

- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng
 - ↔ Đối chiếu

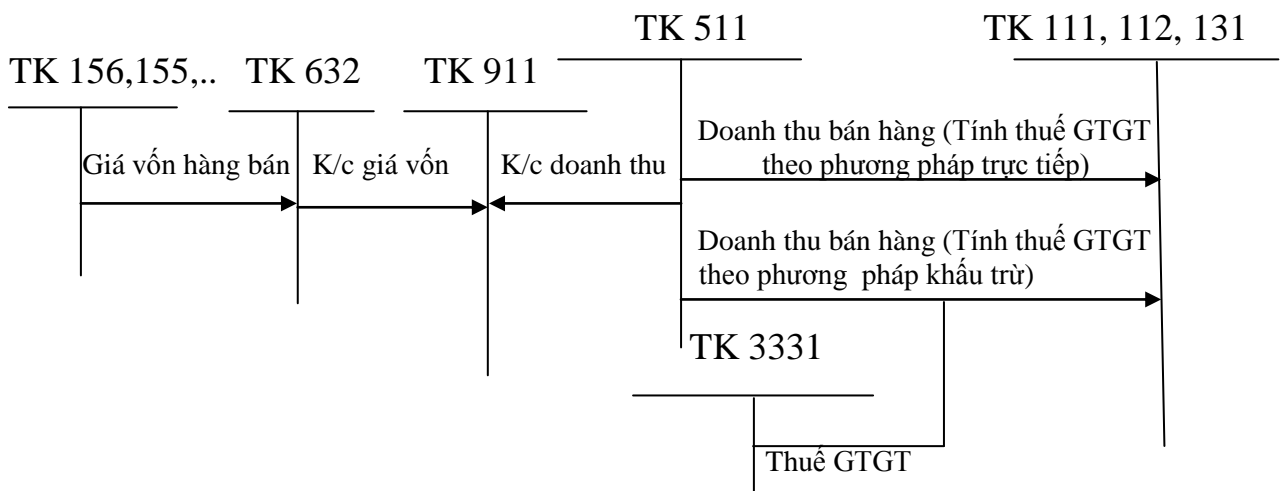
- Hình thức kế toán máy:



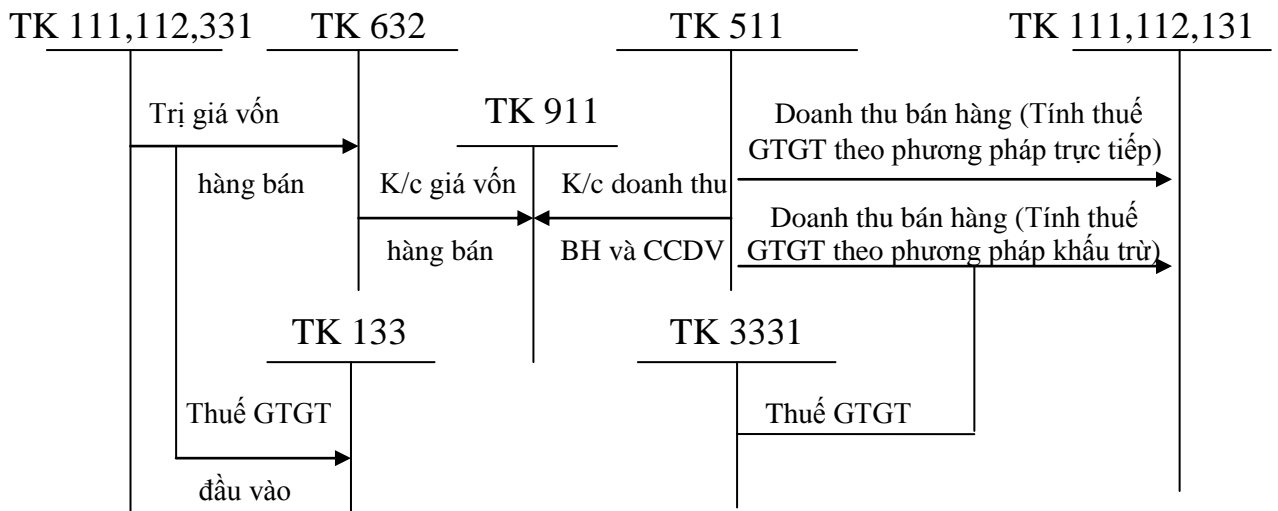
- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng
 - ↔ Đối chiếu

Sơ đồ hạch toán:

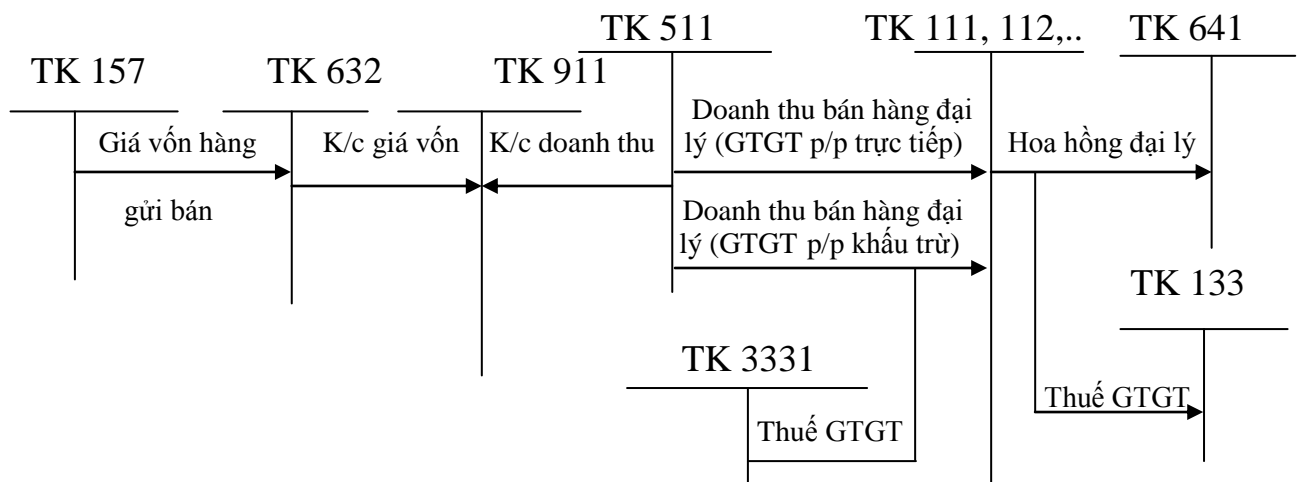
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp



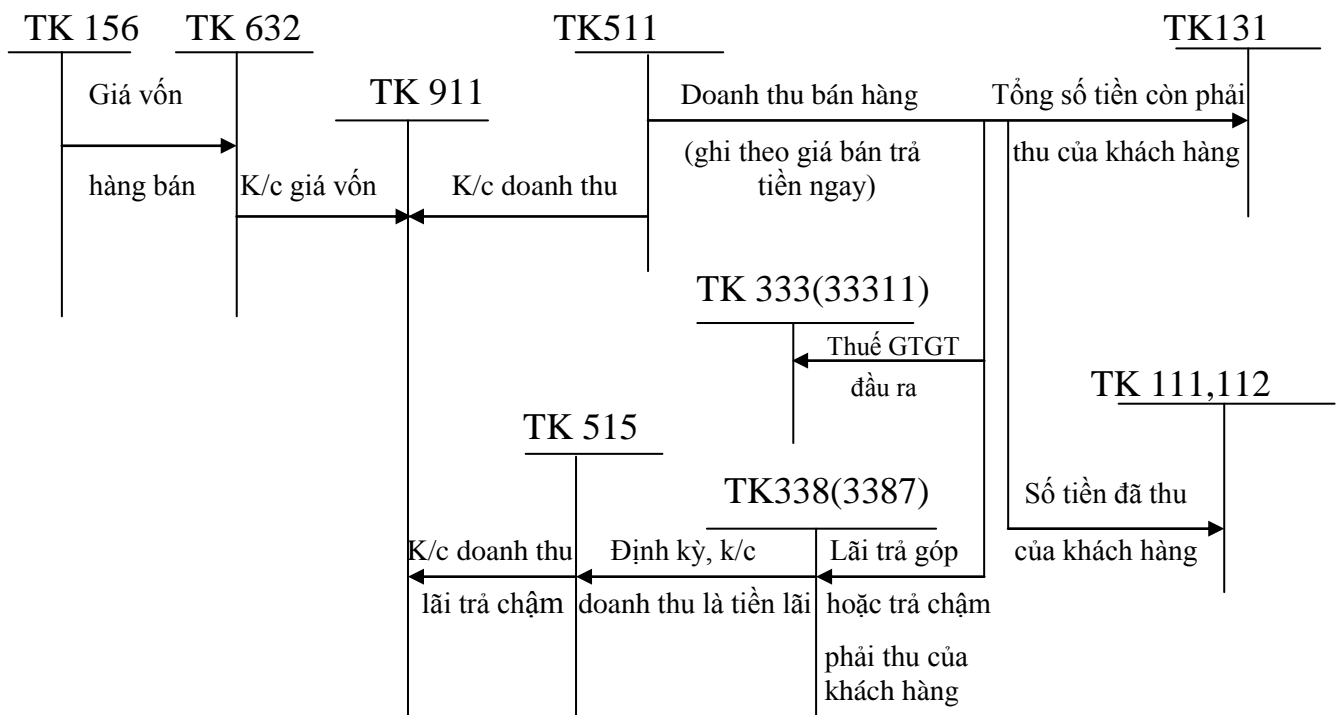
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán buôn vận chuyển thẳng



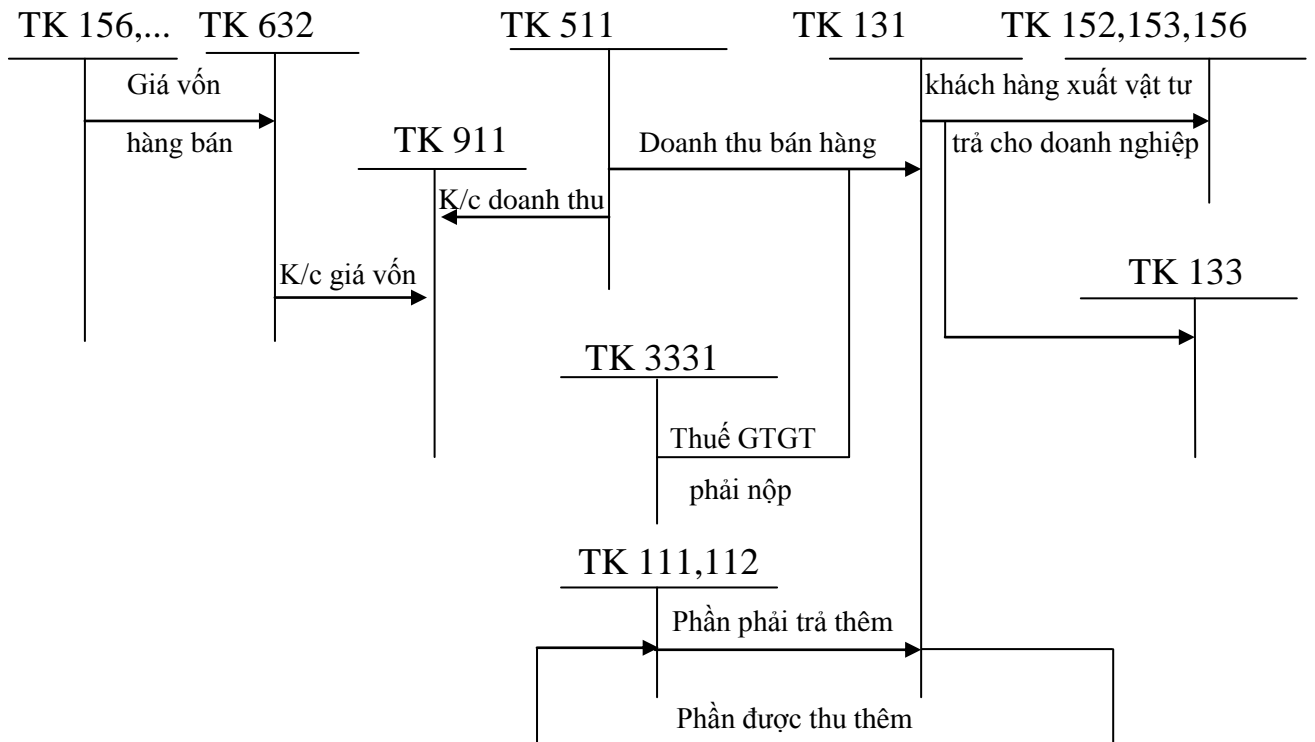
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý ký gửi



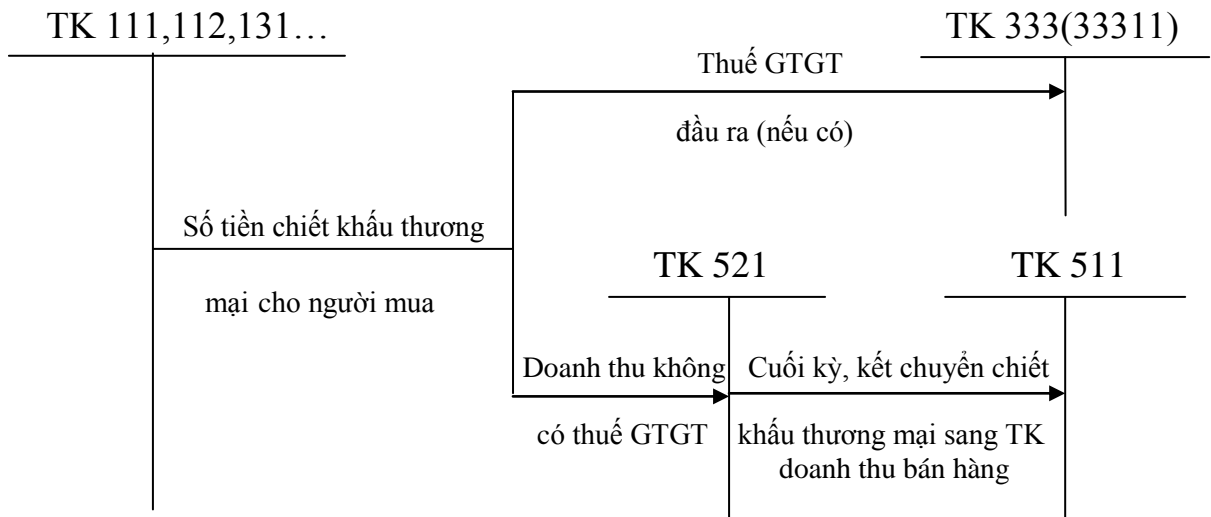
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp



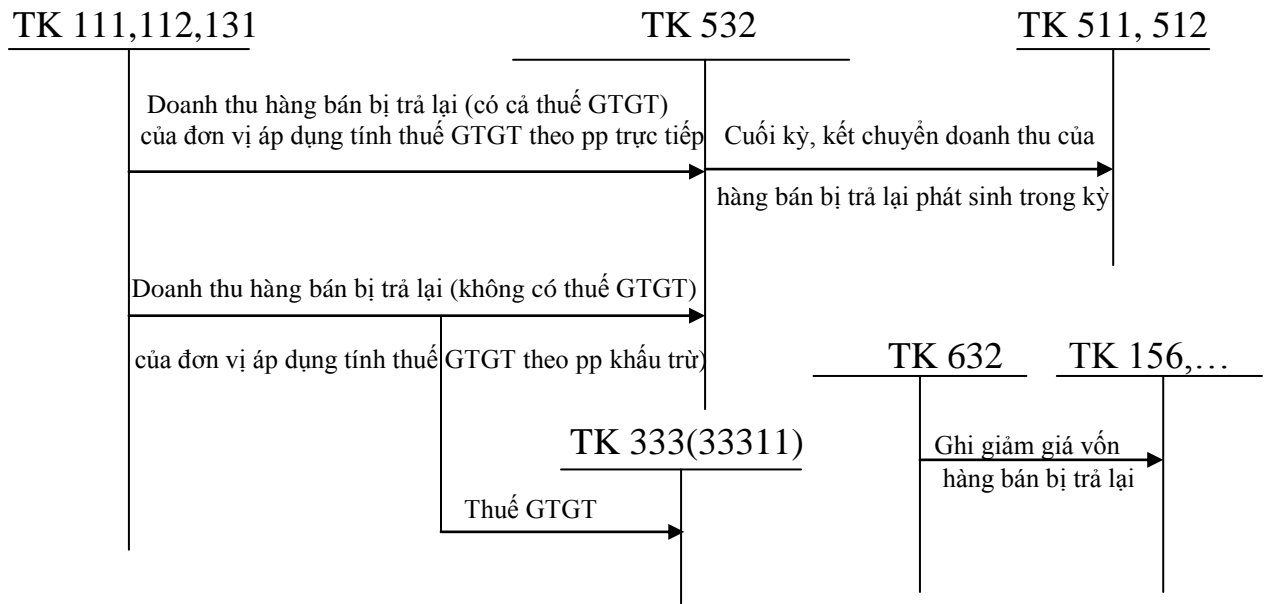
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán theo phương thức trao đổi hàng



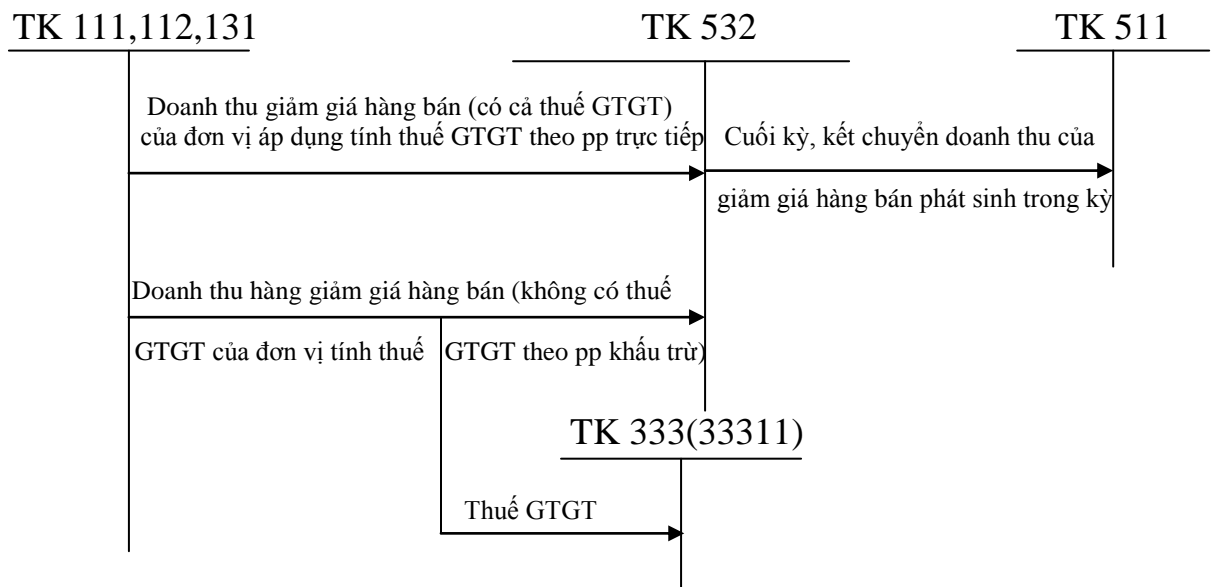
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán



1.4.1.4. Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ thì kế toán sử dụng các loại chứng từ, sổ sách giống với phương pháp kê khai thường xuyên, chỉ có tài khoản là có một số thay đổi như:

Tài khoản sử dụng:

Ngoài các tài khoản mà doanh nghiệp kê khai hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên thì trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ còn sử dụng thêm những tài khoản sau:

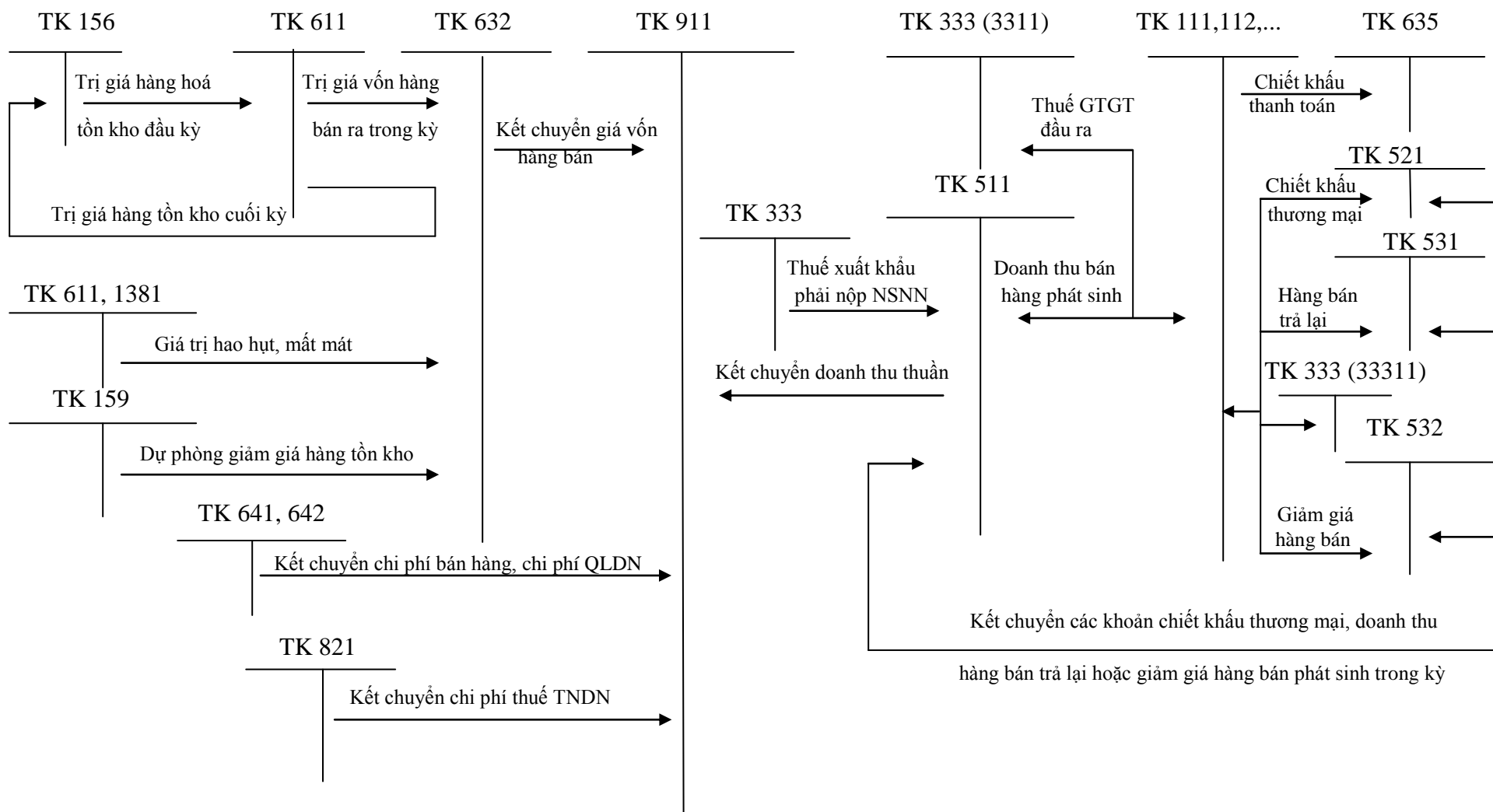
- TK 611: Mua hàng
- TK 631: Giá thành sản xuất

Sổ sách sử dụng:

Giống như trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán tổng hợp doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ và đơn vị áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



1.4.1.5. Tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng:

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuê phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Nội dung kết cấu tài khoản sử dụng:

TK 641: Chi phí bán hàng:

- Bên Nợ:

+ Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.

- Bên Có:

+ Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng (nếu có)

+ Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

- Tài khoản 641 gồm 07 TK cấp 2:

+ TK 6411 – Chi phí nhân viên

+ TK 6412 – Chi phí vật liệu bao bì

+ TK 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng

+ TK 6414 – Chi phí khấu hao tài sản cố định

+ TK 6415 – Chi phí bảo hành

+ TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác

Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Bên Nợ:

+ Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

- Bên Có:

+ Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý (nếu có).

+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang bên Nợ TK911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 642 bao gồm 8 tài khoản cấp 2 sau:

+ TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý

+ TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý

+ TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng

+ TK 6424 – Chi phí khấu hao tài sản cố định

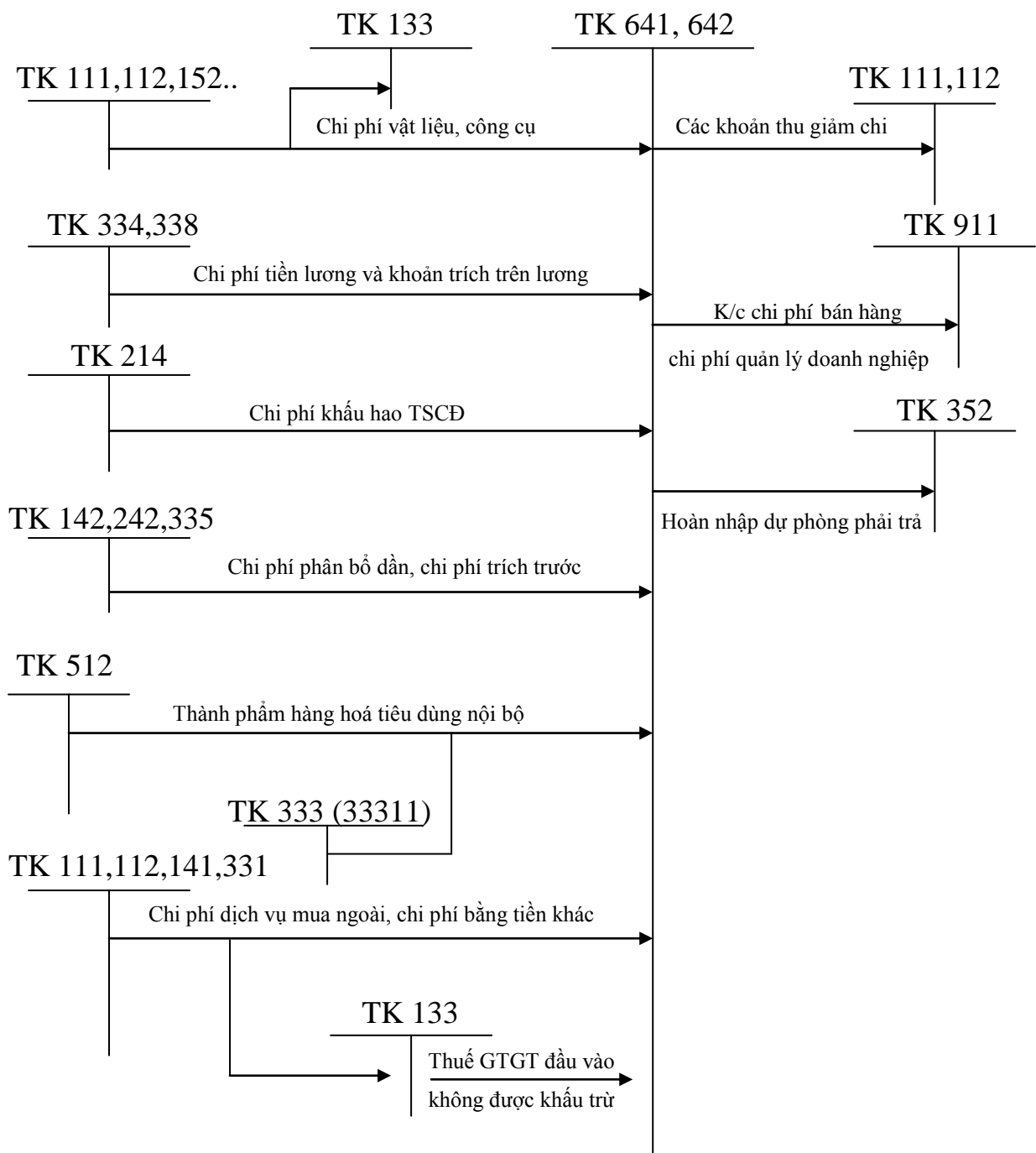
+ TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí

+ TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



1.4.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.

1.4.2.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính là số tiền thu được từ các hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như lãi tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Tiền lãi; thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (Bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính...); cổ tức, lợi nhuận được chia; thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;...

Tài khoản sử dụng: TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

- Bên Nợ:

- + Số thuế TGTG phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

- Bên Có:

- + Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

1.4.2.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay, vốn kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn, chi phí hoạt động liên doanh, chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn, chi phí về mua bán ngoại tệ, chi phí cho thuê tài sản thuê cơ sở hạ tầng, chi phí đầu tư tài chính khác.

Tài khoản sử dụng:

TK 635: Chi phí tài chính

- Bên Nợ:

- + Các khoản chi phí hoạt động tài chính;
- + Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn;
- + Các khoản lỗ chênh lệch về tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ;
- + Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ;
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

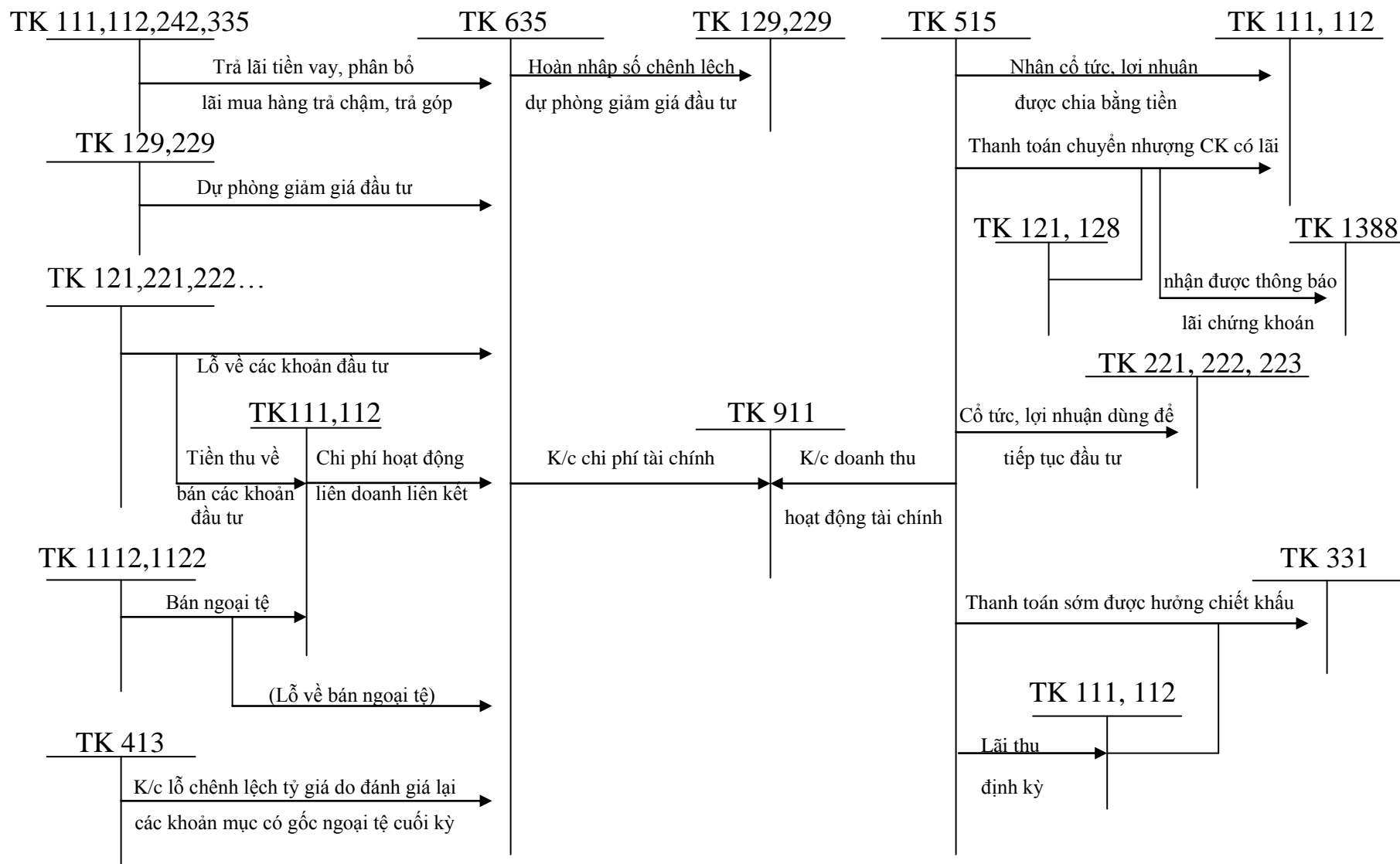
- Bên Có:

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- + Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 – Không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán doanh thu và chi phí tài chính



1.4.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu và chi phí hoạt động khác trong doanh nghiệp.

1.4.3.1. Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác.

Thu nhập khác là khoản tiền thu được góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ những hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng,...

Tài khoản sử dụng: TK 711 - Thu nhập khác

- Bên Nợ:

- + Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang tài khoản 911
- Xác định kết quả kinh doanh.

- Bên Có:

- + Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 - Thu nhập khác không có số dư cuối kỳ.

1.4.3.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí khác.

Chi phí khác bao gồm các khoản chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: Chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng.

Tài khoản sử dụng: TK 811 - Chi phí khác

- Bên Nợ:

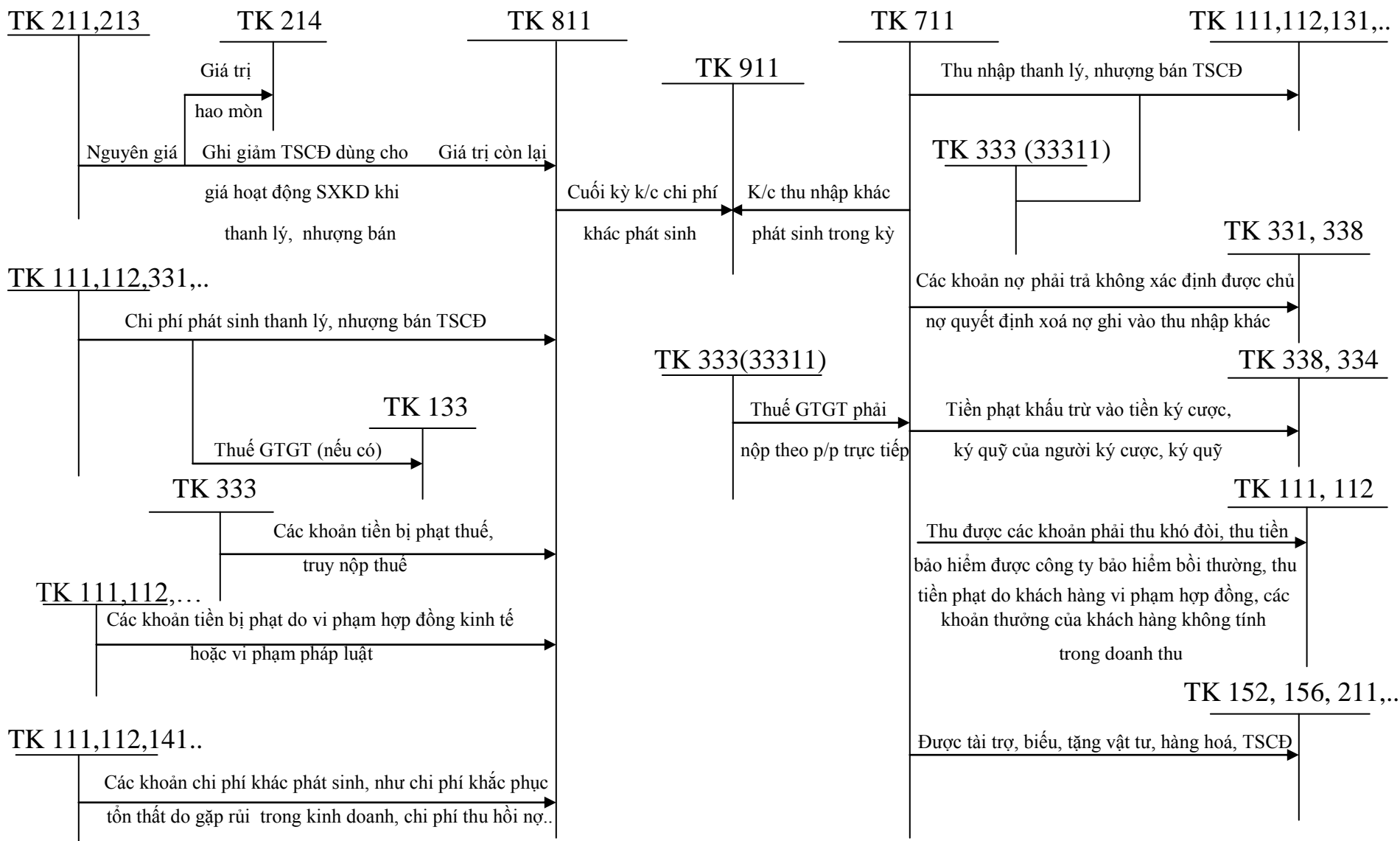
- + Các khoản chi phí khác phát sinh

- Bên Có:

- + Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 811 - Chi phí khác không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán thu nhập và chi phí khác



1.4.4. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Nguyên tắc hạch toán:

- Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.
- Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

Nội dung kết cấu: TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

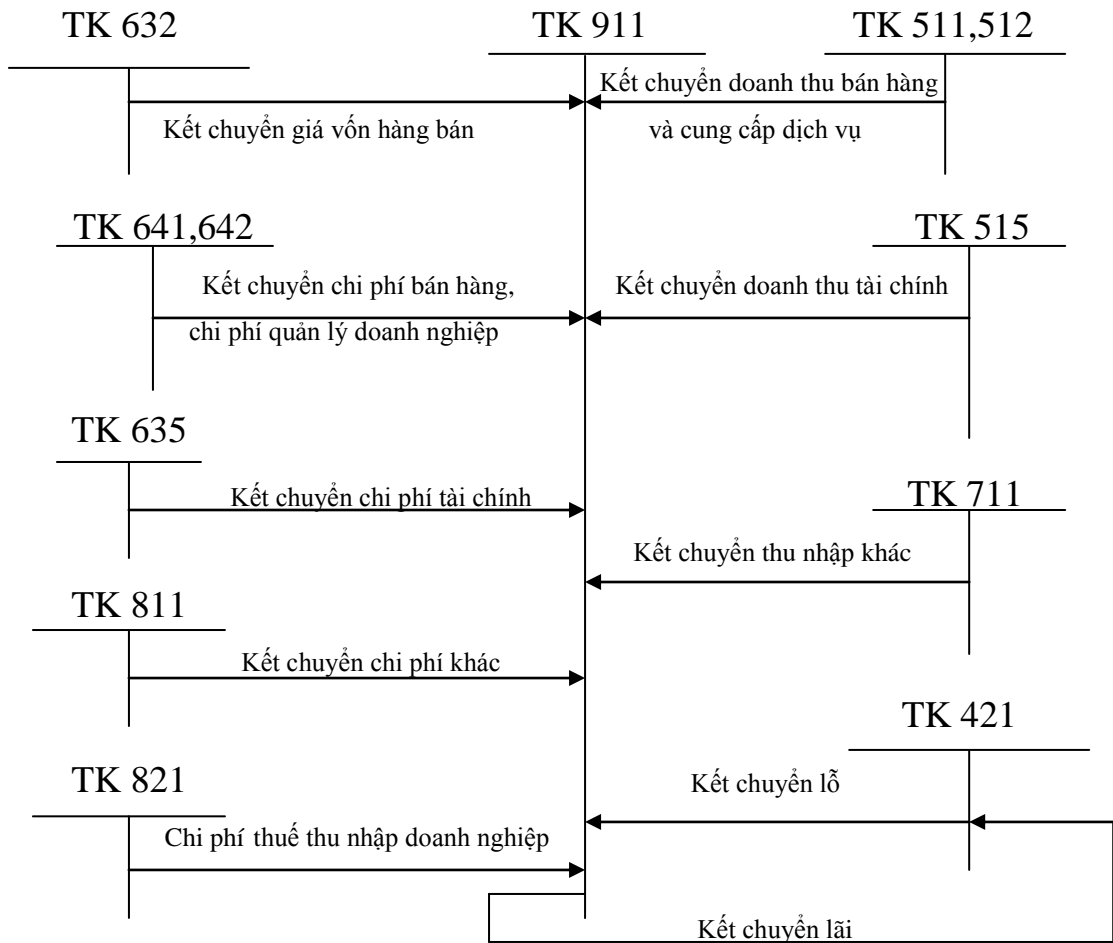
- Bên Nợ:

- + Trị giá vốn của sản phẩm hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ và toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.
- + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- + Chi phí tài chính
- + Chi phí khác
- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- + Lãi sau thuế các hoạt động trong kỳ

- Bên Có:

- + Doanh thu thuần về sản phẩm hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ và doanh thu thuần kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.
 - + Doanh thu hoạt động tài chính
 - + Thu nhập khác
 - + Lỗ về các hoạt động trong kỳ
- Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HẢI PHÒNG II

2.1 Khái quát chung về Chi nhánh công ty cổ phần Kho Vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Chi nhánh.

Tên Công ty: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HẢI PHÒNG II.**

Tên tiếng Anh: **TRANSPORT WAREHOUSING AND TRADE SERVICE JOINT STOCK COMPANY - HAI PHONG II BRANCH.**

Tên viết tắt: **VINATRANCOHP.**

Trụ sở: Số 52 Trần Khánh Dư - Máy Tơ - Ngô Quyền - Hải Phòng.

Điện thoại: (84 - 31) 836625 Fax: (84 - 31)836168

Email: vinatrancohp@hp.vnn.vn

Số ĐKHD: 0213001689

Mã số thuế: 0100107691 - 001

Phương châm hoạt động:

- + Chất lượng tốt nhất.
- + Dịch vụ tin cậy nhất.
- + Giá cả hợp lý nhất.
- + Giao hàng nhanh nhất.

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại (Vinatranco) tiền thân là Tổng công ty Kho vận trực thuộc Bộ Thương mại nay là Bộ Công thương, được thành lập từ năm 1981 nhưng do có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức nên ngày 22 tháng 2 năm 1995 Công ty được thành lập lại theo quyết định số 109/TM – TCCB và đặt trụ sở chính tại số 473 Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Là một doanh nghiệp nhà nước hạch toán kinh tế độc lập, dưới công ty có các chi nhánh, xí nghiệp, trạm kinh doanh liên doanh với các đối tác nước ngoài trong đó có Chi nhánh công ty Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng.

Chi nhánh Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải phòng được hình thành trên cơ sở sáp nhập giữa Công ty Kho tiếp vận Điện máy và Công ty Kho tiếp vận Bách hoá thuộc Tổng công ty Kho vận có nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản hàng hoá nhập khẩu và các hàng hoá được sản xuất tại khu vực Hải Phòng.

Năm 1986, Chi nhánh được chuyển thành Công ty Kho vận I với chức năng nhiệm vụ là kinh doanh kho bãi, đại lý vận tải.

Đến năm 1995 do Tổng công ty Kho vận được thành lập lại nên Công ty Kho vận I cũng chuyển đổi lại thành Chi nhánh Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.

Thực hiện chính sách đổi mới và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, ngày 10 tháng 02 năm 2004 Bộ trưởng Bộ Thương mại đã ký quyết định số 013/QĐ - BTM cho phép công ty Kho vận và Dịch vụ thương mại tiến hành cổ phần hoá để chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần. Do đó đến tháng 8 năm 2005 Chi nhánh công ty Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II chính thức chuyển đổi thành Chi nhánh công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.

Mặc dù chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ năm 2005 nhưng Chi nhánh đã có một bề dày lịch sử với gần 30 năm (1980 - 2009) xây dựng và phát triển. Trải qua nhiều biến động của nền kinh tế với những thử thách trong cuộc cạnh tranh để tồn tại và phát triển có không ít các doanh nghiệp do không nhận thức được hết những khó khăn của chặng đường mới đã không thể hoàn thành được nhiệm vụ của mình nhưng Công ty nói chung và Chi nhánh nói riêng vẫn vượt qua những khó khăn đó đồng thời nắm bắt được những thời cơ quý báu để từng bước khẳng định mình như ngày nay.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.

Là một đơn vị ban đầu thuộc sở hữu của Nhà nước với nguồn vốn được giao chủ yếu là vốn cố định bao gồm một số ít kho bãi. Đến nay, Chi nhánh đã phát triển trở thành một đơn vị kinh doanh thương mại có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý kho hàng và tiếp nhận hàng hóa tại cảng với diện tích kho bãi đã lên tới 15,000 m².

Ngoài ra, Chi nhánh còn tiến hành hoạt động kinh doanh các mặt hàng và dịch vụ chủ yếu như sau:

- Kinh doanh vận tải và dịch vụ giao nhận vận tải trong nước, quốc tế; đóng gói, gom hàng, phân phối hàng lẻ, đại lý làm thủ tục hải quan, môi giới tàu biển, vận chuyển quá cảnh, chuyên khẩu, dịch vụ cảng.

- Kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ, dầu chuyên dụng, dầu hoá dẻo cao su, hoá chất các loại... Vinatranco là nhà phân phối dầu mỡ, dầu nhờn uy tín và lâu năm của hãng dầu nhờn nổi tiếng ExxonMobil tại Việt Nam từ năm 1995.

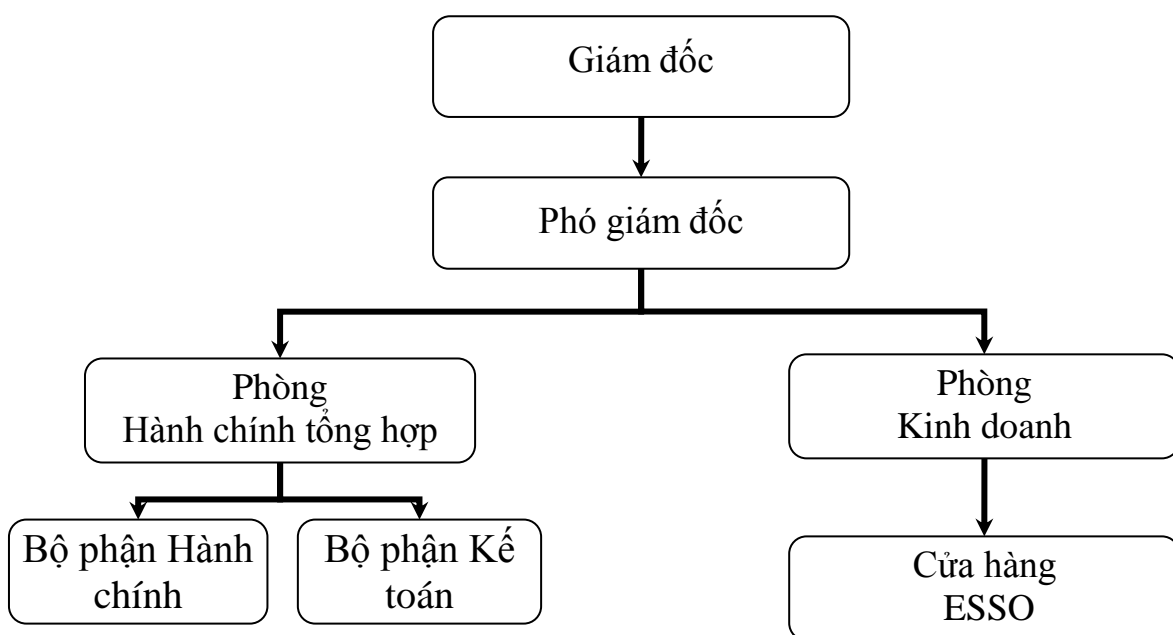
- Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu các sản phẩm sắt thép, cao su tổng hợp, các sản phẩm sảm lớp ô tô.

- Kinh doanh kho bãi, nhà xưởng, văn phòng.

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Chi nhánh CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.

Bộ máy quản lý của Chi nhánh được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, nghĩa là các phòng ban của Chi nhánh có liên hệ chặt chẽ với nhau cùng chịu sự quản lý của Ban giám đốc.

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Chi nhánh



Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận như sau:

- **Giám đốc:** Là người đứng đầu Chi nhánh do Tổng giám đốc Công ty bổ nhiệm dưới sự thông qua của Hội đồng quản trị, là người đại diện cho Chi nhánh trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Công ty về mọi hoạt động kinh doanh của Chi nhánh.

- **Phó giám đốc:** Được Giám đốc bổ nhiệm dưới sự thông qua của Tổng Giám đốc Công ty. Giám đốc phân công nhiệm vụ và giao việc cho Phó giám đốc điều hành công việc thuộc trách nhiệm của mình trên cơ sở định hướng.

- **Phòng Kinh doanh:** Giúp Giám đốc hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh của Chi nhánh và trực tiếp tổ chức khai thác nguồn hàng, tham gia và kinh doanh đại lý vận tải hàng hoá và kinh doanh mua bán hàng hoá. Đứng đầu phòng kinh doanh là trưởng phòng do Giám đốc Chi nhánh bổ nhiệm và được sự nhất trí của Tổng Giám đốc trên Công ty để giúp Giám đốc và Phó giám đốc quản lý điều hành công việc về chuyên môn nghiệp vụ được giao.

- **Phòng Hành chính tổng hợp:**

+ Đứng đầu phòng hành chính tổng hợp là trưởng phòng kiêm kế toán trưởng do Giám đốc Chi nhánh bổ nhiệm dưới sự thông qua của Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm quản lý điều hành về tình hình tài chính và tổ chức hành chính tại Chi nhánh.

+ Bộ phận hành chính giúp Giám đốc quản lý nhân sự văn phòng, tổ chức thực hiện hướng dẫn chính sách của người lao động và đường lối của Đảng, Nhà nước.

+ Bộ phận kế toán có chức năng tham mưu giúp việc cho giám đốc Chi nhánh thực hiện quản lý về mặt tài chính, kế toán của Chi nhánh theo quy định của Nhà nước và pháp luật.

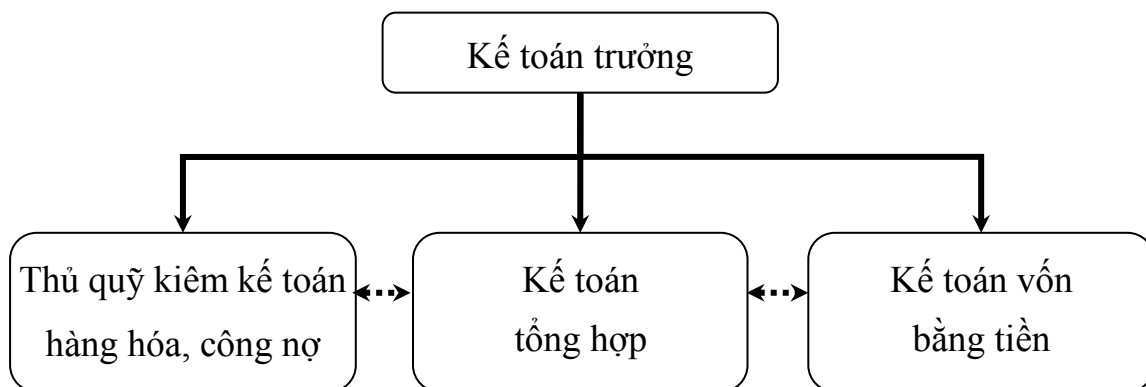
- **Cửa hàng ESSO:** Kinh doanh mua bán dầu nhớt các loại.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Chi nhánh CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.

2.1.4.1. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại Chi nhánh.

Chi nhánh áp dụng mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Phòng kế toán ở Chi nhánh hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến toàn Chi nhánh, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Chi nhánh



Ghi chú: → Trục tiếp quản lý

 <-.-> Kiểm tra, đối chiếu

Công tác tài chính kế toán của Chi nhánh được phân cấp rất rõ ràng:

- **Kế toán trưởng:** Chịu trách nhiệm quản lý trước Ban giám đốc Chi nhánh và chỉ đạo chung cho mọi hoạt động liên quan đến kế toán của Chi nhánh, phổ biến hướng dẫn chế độ tài chính cho các kế toán viên, đồng thời kiểm tra đôn đốc tình hình thực hiện hạch toán của nhân viên kế toán, giám sát sử dụng tài chính theo đúng mục đích. Cuối năm theo niên độ kế toán, phải chịu trách nhiệm giám sát lập báo cáo tài chính theo quy định hiện hành để nộp lên cho Công ty.

- **Kế toán hàng hoá, công nợ kiêm thủ quỹ:** Là người chuyên theo dõi các khoản phải thu, phải trả của Chi nhánh với các khách hàng, nhà cung cấp, NSNN, làm các báo cáo công nợ hàng tháng, giấy thông báo về các khoản nợ vay của khách hàng, có trách nhiệm kiểm kê, giám sát tình hình xuất nhập tồn hàng hoá

cũng như tiền mặt tại quỹ của Chi nhánh thông qua việc theo dõi các chứng từ từ các bộ phận kế toán.

- **Kế toán vốn bằng tiền:** Theo dõi sự thay đổi tỷ giá tại thời điểm ghi nợ với thời điểm thanh toán, từ đó tìm ra sự chênh lệch tỷ giá. Kiểm kê các giấy tờ, các hợp đồng có sự tham gia của ngân hàng, theo dõi các khoản vay nợ và trả nợ với ngân hàng, theo dõi các khoản thu chi tạm ứng tiền mặt của Chi nhánh. Quản lý vốn bằng tiền của Chi nhánh.

- **Kế toán tổng hợp:** Theo dõi tất cả các phần hành kế toán của Chi nhánh, tổng hợp số liệu, tình hình tài sản cũng như nguồn vốn của Chi nhánh. Lập các Báo cáo tài chính dưới sự giám sát, chỉ đạo của Kế toán trưởng.

2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại Chi nhánh CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.

- Niên độ kế toán tại Chi nhánh bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: Quy đổi theo giá USD trên thị trường tại thời điểm thanh toán và đổi tiền, sử dụng TGHD bình quân liên ngân hàng.

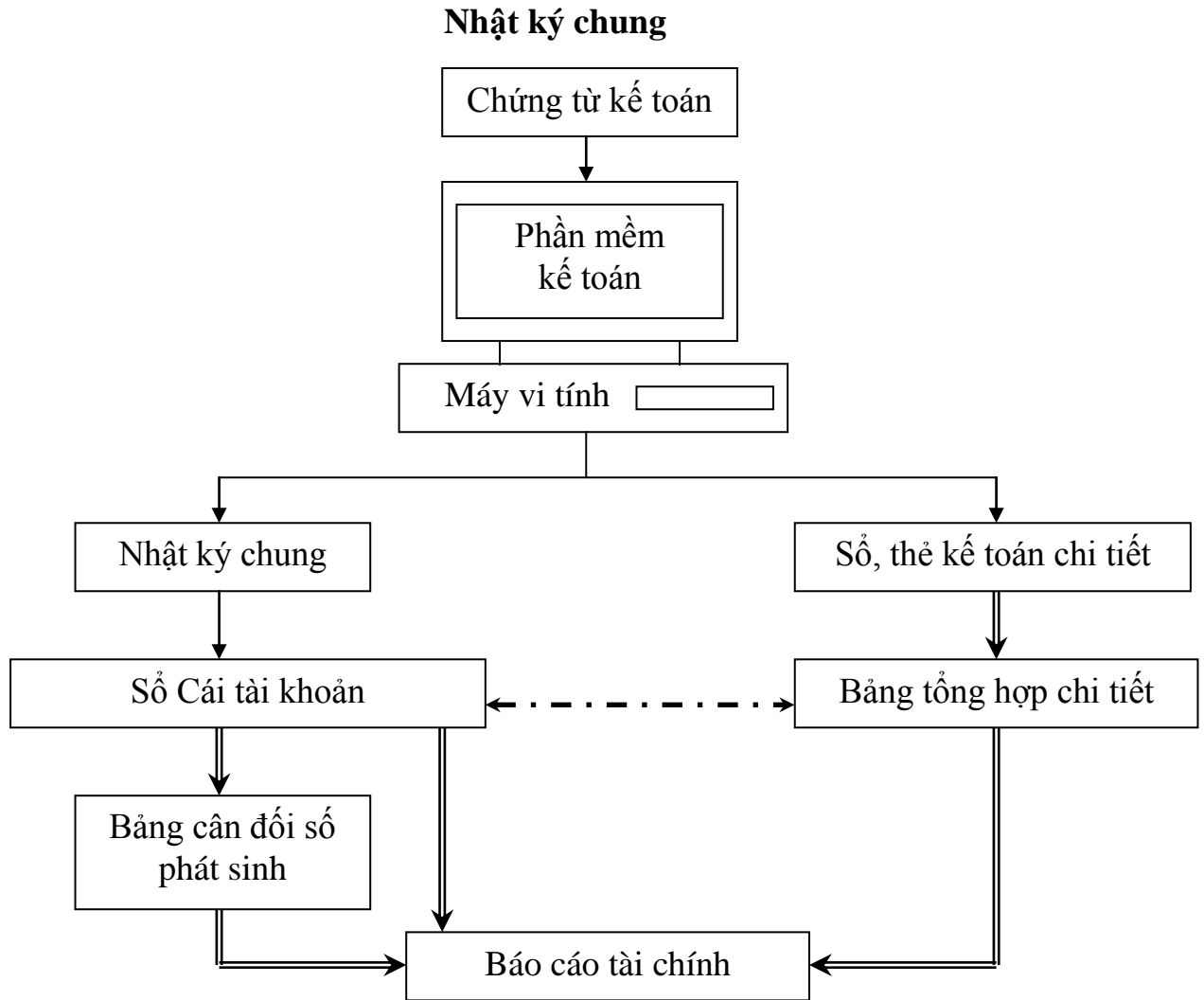
- Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ : Tính bình quân theo từng năm, phân bổ đều cho các tháng trong năm, theo QĐ206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003, có hiệu lực từ ngày 01/01/2004.

- Doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Hình thức kế toán Chi nhánh áp dụng là hình thức Nhật ký chung trên phần mềm kế toán máy.

Sơ đồ 2.3 Sơ đồ hạch toán kế toán trên máy vi tính theo hình thức

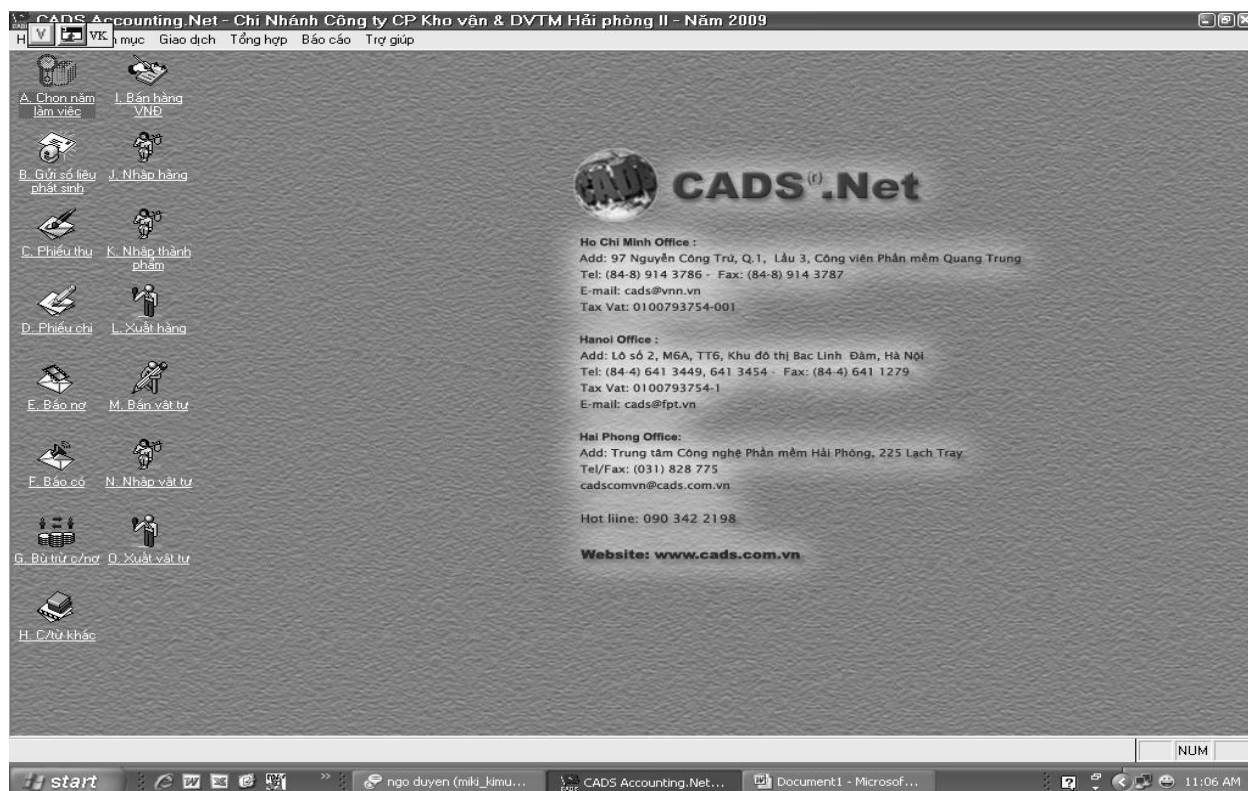


Các bước thực hiện trên phần mềm kế toán máy:

- Nhấn chuột vào biểu tượng phần mềm trên màn hình nền. Tùy theo mục đích công việc, người dùng nhấn vào các lựa chọn. Sau khi lựa chọn đối tượng làm việc, người dùng sẽ lựa chọn các phím chức năng để nhập cũng như sửa chữa, in tài liệu:

- F2: Lọc dữ liệu cần sử dụng.
- F3: Sửa chữa dữ liệu đã nhập.
- F4: Lập mới.
- F7: In ra các sổ sách.
- F8 + Ctrl: Xoá dữ liệu.
- F9: Mở máy tính.
- F10: Lưu dữ liệu.
- F12: Xem dữ liệu, sổ sách.
- ESC: Thoát khỏi màn hình làm việc.

- Nếu muốn in ra các sổ tổng hợp và các báo cáo thì chọn Tổng Hợp hoặc Báo Cáo trên thanh công cụ. Sau khi chọn sẽ xuất hiện cửa sổ lệnh. Tại mục mã tài khoản gõ số hiệu tài khoản. Tại mục từ ngày đến ngày nhập ngày tháng theo yêu cầu sử dụng. Sau cùng chọn Chấp Nhận để xem và chọn F7 để in ra.



2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.

2.2.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.

2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh.

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II ghi nhận doanh thu theo các nguyên tắc quy định trong Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh được tập hợp từ hai nguồn là doanh thu bán hàng hoá được hạch toán vào TK 5111 gồm có các loại

hàng hoá như dầu nhờn, sắt thép,... và doanh thu cung cấp dịch vụ hạch toán trên tài khoản 5113 gồm có dịch vụ giao nhận vận chuyển và dịch vụ cho thuê kho.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh cũng chính là doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ bởi tại Chi nhánh không sử dụng các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại - TK 521, hàng bán bị trả lại - TK 531 hay giảm giá hàng bán - TK 532.

Các phương thức tiêu thụ mà Chi nhánh sử dụng:

- Bán hàng trực tiếp: Chi nhánh giao hàng hoá cho người mua trực tiếp tại kho bao gồm cả bán buôn và bán lẻ. Đối với bán lẻ doanh thu thường là thu ngay bằng tiền mặt, còn đối với khách hàng bán buôn thì chủ yếu là trả chậm.

- Chuyển hàng theo hợp đồng: Chi nhánh có thể giao hàng tại kho công ty hoặc tại kho của người mua tùy theo điều kiện đã ghi trong hợp đồng kinh tế. Hàng bán ra chủ yếu là trả tiền sau, cũng có trường hợp trả trước tiền hàng do vậy hầu hết các nghiệp vụ bán hàng theo hợp đồng đều hạch toán qua TK 131. Khách hàng có thể chia làm 2 loại khách hàng thường xuyên và khách hàng không thường xuyên. Khách hàng thường xuyên là những khách hàng có hợp đồng mua bán lớn với công ty và chủ yếu có thanh toán chậm. Doanh thu đem lại từ khách hàng chính (thường xuyên) chiếm 75% - 100%.

2.2.1.2. Đặc điểm giá vốn hàng bán của Chi nhánh.

Chi nhánh hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song, tức là ở kho thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn hàng hoá về mặt số lượng còn ở phòng kế toán thì kế toán sử dụng sổ chi tiết hàng hoá để phản ánh tình hình biến động tăng giảm theo từng danh điểm hàng hoá và bảng tổng hợp nhập xuất tồn hàng hoá trong kỳ.

Chi nhánh hạch toán giá vốn hàng nhập kho theo trị giá nhập thực tế và hạch toán giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ đối với hàng hóa dầu, phương pháp trực tiếp đích danh đối với các hàng hóa còn lại.

Phương pháp tính giá vốn:

Tùy theo đặc điểm của từng mặt hàng mà Chi nhánh áp dụng phương pháp tính giá vốn phù hợp như:

- Đối với hàng hoá dầu: Chi nhánh áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ với công thức tính như sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}$$

- Đối với các loại hàng hoá khác thì Chi nhánh tính trị giá vốn bằng phương pháp thực tế đích danh. Theo phương pháp này hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

2.2.1.3. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán tại Chi nhánh CTCP Kho vận và DVTM HP II.

Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT kiêm phiếu xuất kho.
- Phiếu thu.
- Phiếu kế toán.
- Giấy báo có của Ngân hàng.

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng để hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán bao gồm:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có các tài khoản cấp 2:
 - + TK 5111 Doanh thu bán hàng.
 - TK 5111A: Doanh thu bán hàng sắt.
 - TK 5111B: Doanh thu bán hàng dầu.
 - TK 5111E: Doanh thu bán hàng hoá khác.
 - + TK 5113: Doanh thu dịch vụ.
 - TK 51131: Doanh thu kho.
 - TK 51132: Doanh thu vận tải.
- TK 111,112,131: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng.
- TK 33311: Thuế GTGT đầu ra.
- TK 632: Giá vốn hàng bán, gồm các tài khoản cấp 2:
 - + TK 632A: Giá vốn hàng sắt.
 - + TK 632B: Giá vốn hàng dầu.
 - + TK 632E: Giá vốn hàng hoá khác.
- TK 156: Hàng hoá.

Sổ sách sử dụng:

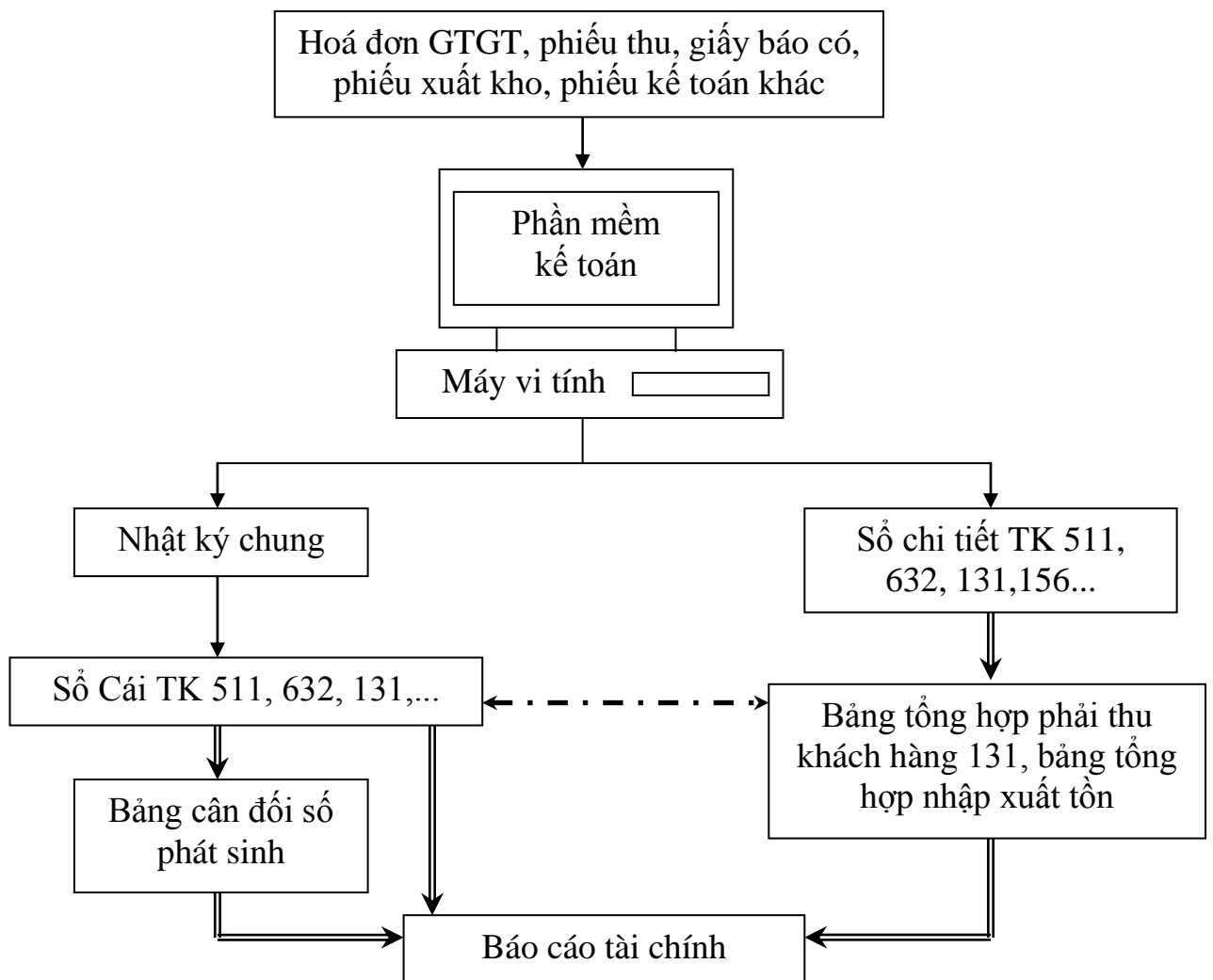
Chi nhánh sử dụng các mẫu sổ sách theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bao gồm các sổ sau:

- Sổ chi tiết các TK 511, 632, 131, 333, 156.
- Bảng tổng hợp phải thu khách hàng, bảng tổng hợp nhập xuất tồn.
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái các TK liên quan.

Quy trình hạch toán:

Chi nhánh hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán theo quy trình sau:

Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán trên máy vi tính tại Chi nhánh



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←- - -> Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ minh họa.

1, Ngày 12/12/2008, Chi nhánh xuất dầu bán cho Công ty cổ phần XD & TM Trường Giang. Kế toán lập hoá đơn GTGT số 0019033 gồm 03 liên: Liên 01 màu tím lưu tại gốc, liên 02 màu đỏ giao cho khách hàng, liên 03 màu xanh lưu hành nội bộ để kế toán dùng làm căn cứ ghi sổ.

Giá vốn dầu xuất bán được tính = Đơn giá dầu x Số lượng dầu xuất bán

$$\text{Đơn giá dầu Mobil FH} = \frac{3 \text{ phi} \times 4.253.600 \text{ VNĐ} + 0}{3 \text{ phi} + 0} = \frac{4.253.600}{\text{VNĐ/ phi}}$$

Giá vốn dầu Mobil FH = 4.253.600 x 1phi = 4.253.600 VNĐ

(Số liệu căn cứ trên Bảng tổng hợp nhập xuất tồn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/12/2008 của Chi nhánh)

Các chứng từ và sổ sách liên quan:

- Biểu số 01: Hoá đơn giá trị gia tăng số 0019033
- Biểu số 02: Nhật ký chung
- Biểu số 03: Sổ chi tiết TK 5111B
- Biểu số 04: Sổ chi tiết công nợ TK 131
- Biểu số 05: Sổ chi tiết TK 632B
- Biểu số 06: Sổ chi tiết hàng hóa TK 156
- Biểu số 07: Sổ Cái TK 511
- Biểu số 08: Sổ Cái TK 131
- Biểu số 09: Sổ Cái TK 632
- Biểu số 10: Sổ Cái TK 156

Biểu số 01: Hoá đơn giá trị gia tăng số 0019033

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01 GTKT-3LL
NL/2008B
0019033

Liên 3: Nội bộ

Ngày 12 tháng 12 năm 2008

Đơn vị bán hàng: CN Cty CP Kho vận & DVTM HP II

Địa chỉ:

CN CTY CP KHO VẬN VÀ DVTM HẢI PHÒNG II 52. TRẦN KHÁNH DƯ - HẢI PHÒNG MST: 0100107691001

.....

Số tài khoản:

Điện thoại: MS:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Cty CP xây dựng & TM Trường Giang

Địa chỉ: Đồn Riêng - Hoà Nghĩa - Kiến Thụy

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: MS:

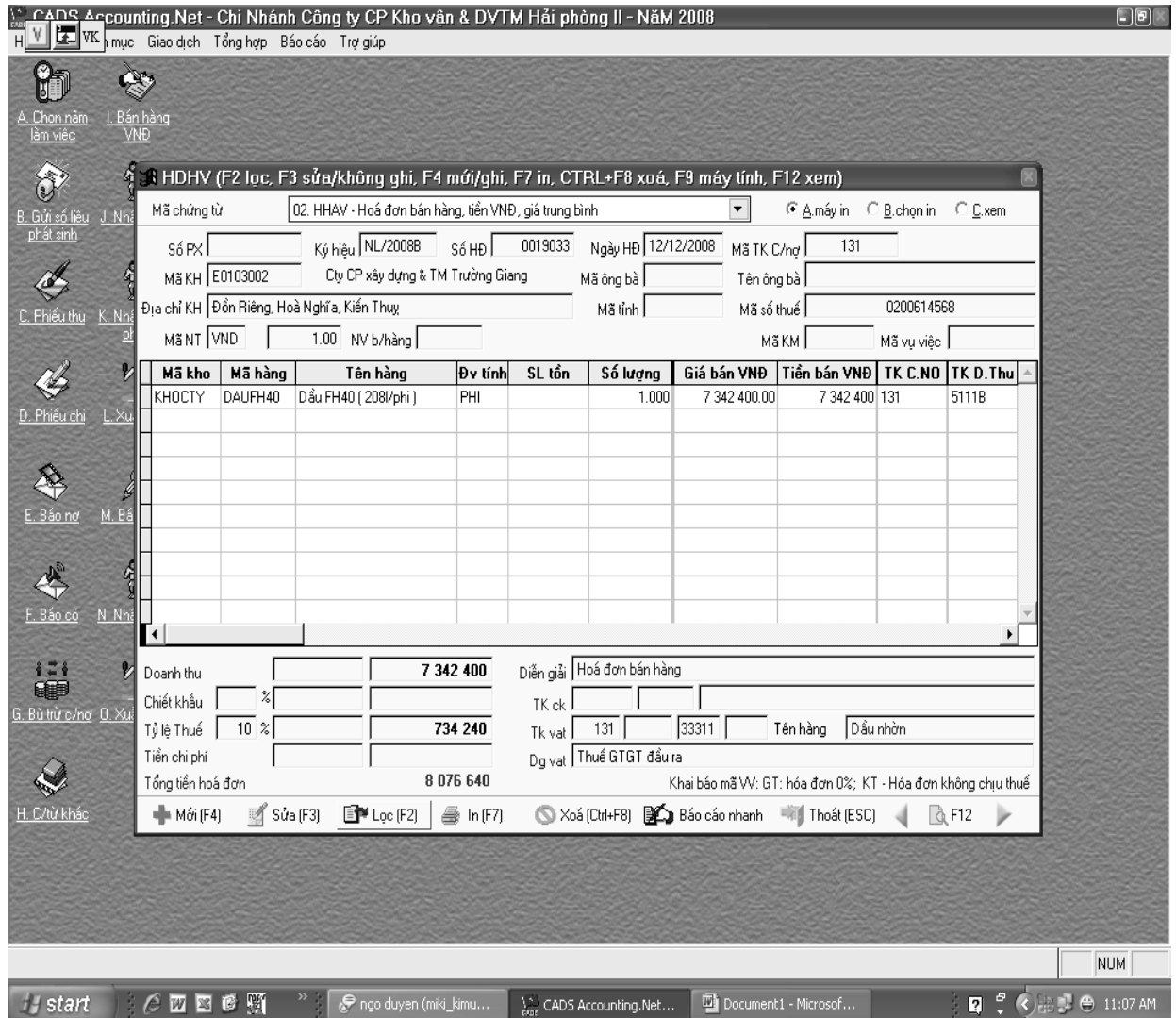
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Dầu Mobil FH 40 x 208l (Giao nguyên phi)	Phi	1	7.342.400	7.342.400														
				<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">\</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">\</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">\</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">\</td> </tr> </table>	0	2	0	0	6	1	4	5	6	8	\	\	\	\	
0	2	0	0	6	1	4	5	6	8	\	\	\	\						
Cộng tiền hàng:					7.342.400														
Thuế suất GTGT: 10 %				Tiền thuế GTGT:	734.240														
Tổng cộng tiền thanh toán:					8.076.640														
Số tiền viết bằng chữ: Tám triệu không trăm bảy sáu ngàn sáu trăm bốn mươi đồng ./.....																			

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

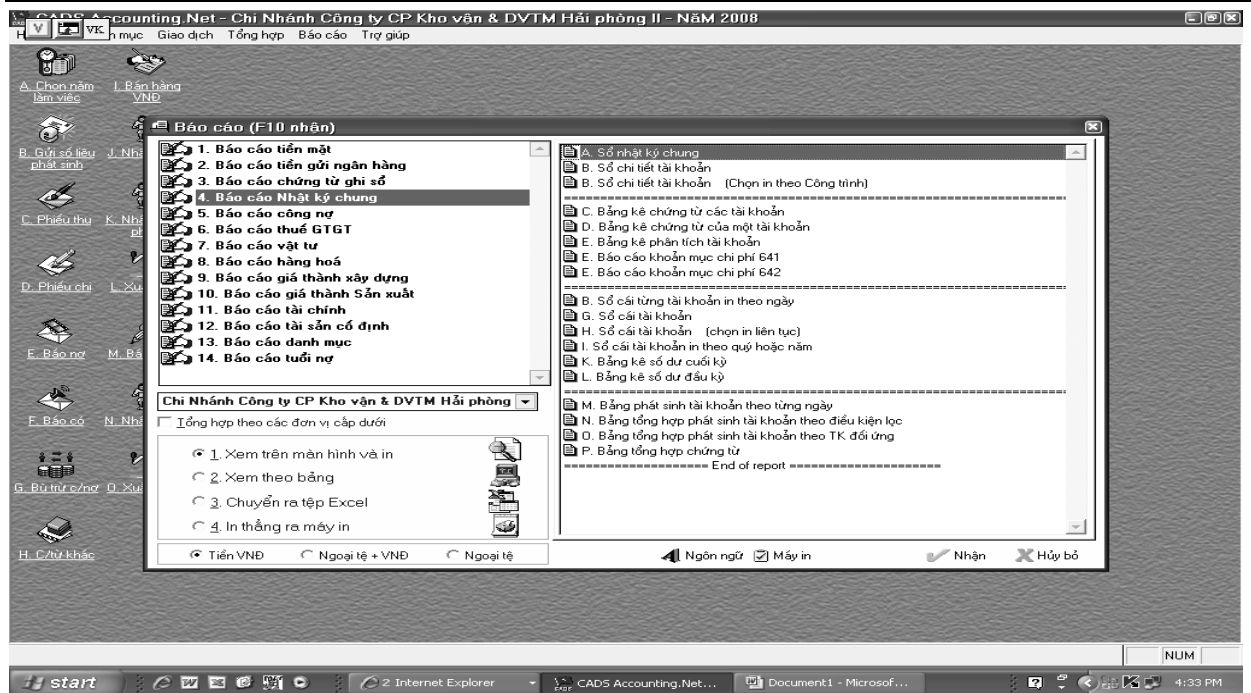
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Sau khi đã giao hàng và làm thủ tục cho khách hàng, kế toán nhập số liệu vào sổ kế toán máy. Từ màn hình nền, chọn biểu tượng của phần mềm CADS/ khai báo tên và mật khẩu của người dùng/ Chọn mục xuất hàng/ Nhấn F4 để lập mới/ Sau khi lập xong chọn F10 để lưu. Các số liệu sẽ tự động được chuyển vào các sổ chi tiết, Nhật ký chung, sổ Cái, và Bảng cân đối số phát sinh ...



Để in ra Nhật ký chung chọn Báo cáo/ Báo cáo Nhật ký chung/ Sổ Nhật ký chung rồi nhấp chuột vào biểu tượng Nhận ở màn hình. Để in ra chọn F7.

Làm tương tự các thao tác như với sổ Nhật ký chung để in ra sổ chi tiết tài khoản 5111B , 131, 632, 156.



Biểu số 02: Sổ Nhật ký chung

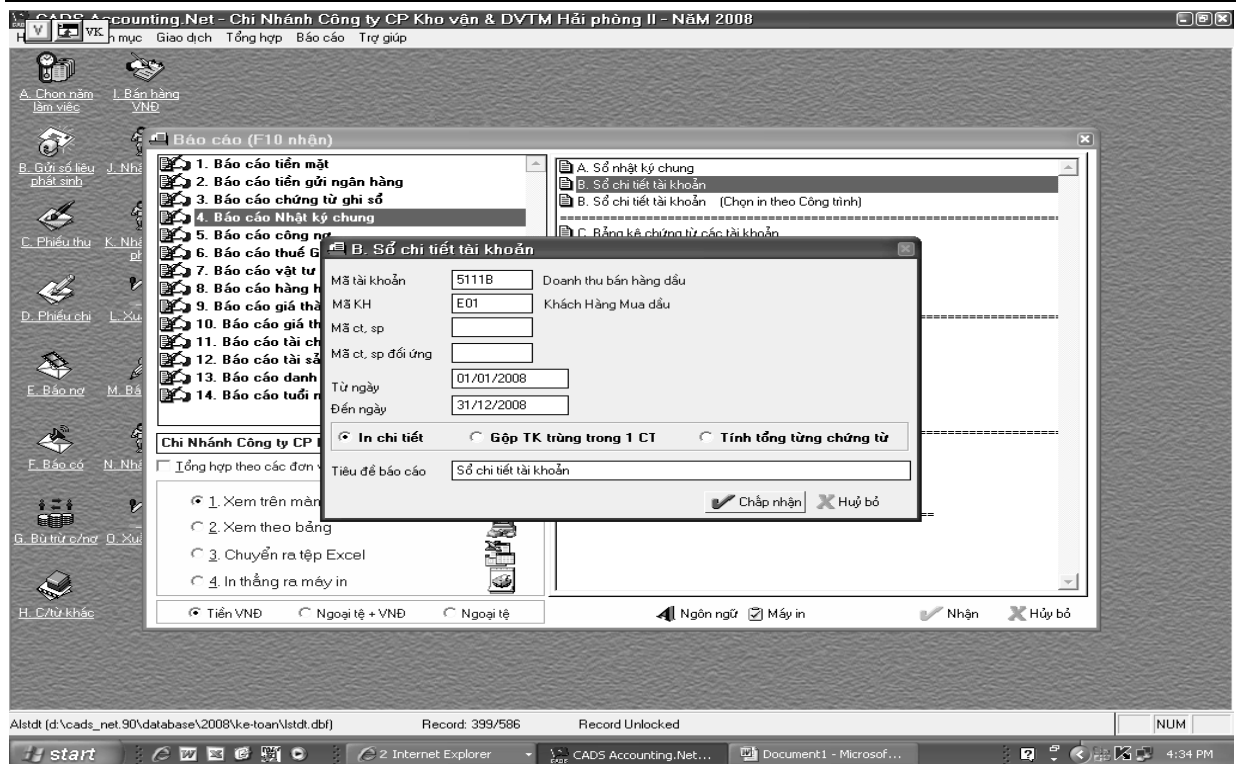
**CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II
SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày: 31/12/2008

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh	
Ngày	Số CT			Nợ	Có
12/12	0019033	Hóa đơn GTGT (Cty CPXD&TM Trường Giang) Hóa đơn GTGT (Cty CPXD&TM Trường Giang) Hóa đơn GTGT (Cty CPXD&TM Trường Giang) Hóa đơn GTGT (Cty CPXD&TM Trường Giang) Hóa đơn GTGT (Cty CPXD&TM Trường Giang)	131 5111B 33311 632B 156	8.076.640 4.253.600	 7.342.400 734.240 4.253.600
16/12	HP2BC12/09	Cty CP nhựa TN Tiên Phong trả mua dầu Cty CP nhựa TN Tiên Phong trả mua dầu Cty CP nhựa TN Tiên Phong trả mua dầu	 1121 131	10.853.590	 10.853.590
19/12	PN01/12	Nhập hàng (Cty CP Kho vận & DVTM) Nhập hàng (Cty CP Kho vận & DVTM) Nhập hàng (Cty CP Kho vận & DVTM) Nhập hàng (Cty CP Kho vận & DVTM)	 156 1331 3361	15.655.465.000 782.773.250	 16.438.238.250
Tổng cộng				1.134.592.404.431	1.134.592.404.41

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Kế toán trưởng



Biểu số 03: Sổ chi tiết TK 5111B

**CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

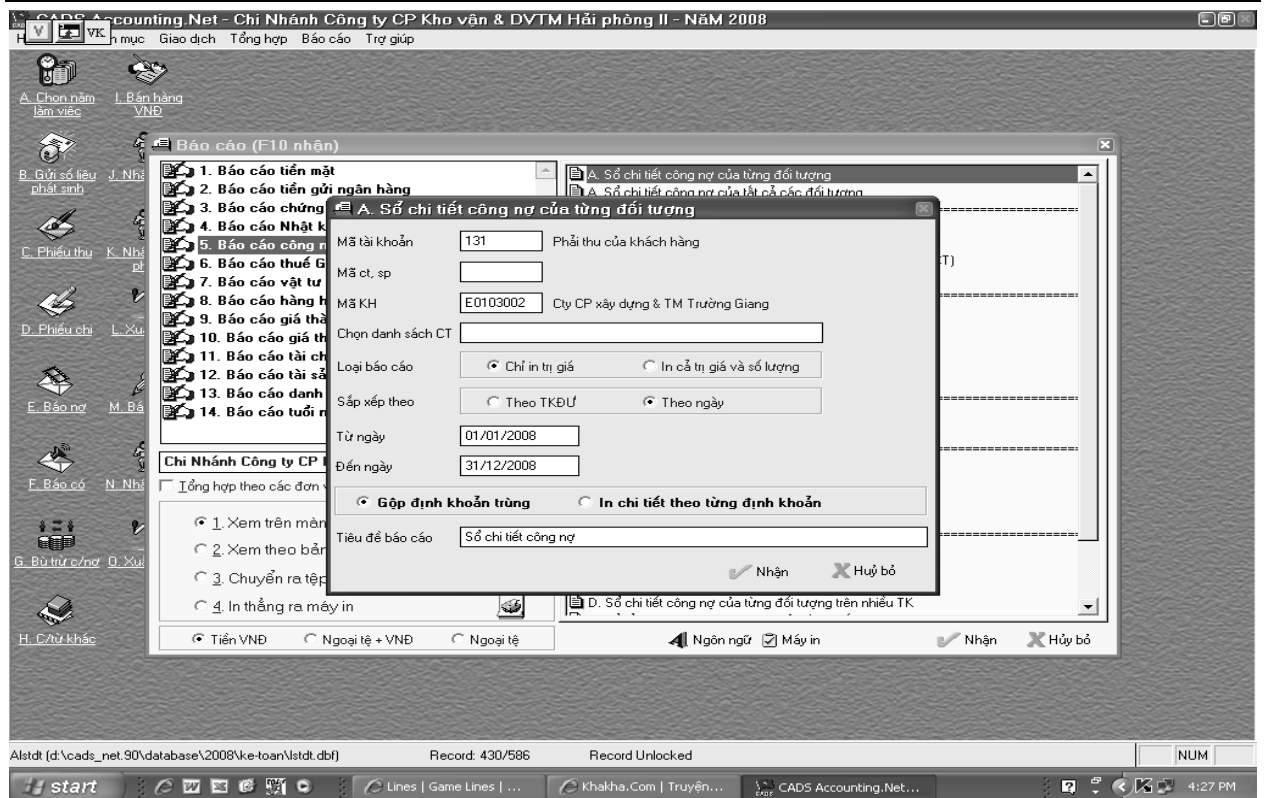
Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày: 31/12/2008

Tài khoản 5111B - Doanh thu bán hàng dầu

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ'	PS nợ	PS có
	
03/12	0019018	Hoá đơn GTGT	131		102.000
03/12	0019019	Hoá đơn GTGT	131		423.200
	
12/12	0019033	Hoá đơn GTGT	131		7.342.400
	
31/12	0019068	Hoá đơn GTGT	131		98.513.950
31/12	HPK12/18	Kết chuyển doanh thu bán hàng dầu 2008	911	2.331.814.046	
		Tổng cộng		2.331.814.046	2.331.814.046

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Kế toán trưởng



Biểu số 04: Số chi tiết công nợ TK 131

**CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II
SỔ CHI TIẾT CÔNG NỢ**

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày: 31/12/2008
 Tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng
 Đối tượng: E0103002 - Công ty CP xây dựng & TM Trường Giang

Dư có đầu năm 11.953.867
 Phát sinh nợ 33.803.827
 Phát sinh có 31.000.000
 Dư có cuối năm 14.757.694

Chứng từ			Diễn giải	TK ĐƯ	PS nợ	PS có
...
19/06	PTTV	PT06/36	CTy Trường Giang trả mua dầu	1111		3.000.000
15/10	HHAV	0068480	Hoá đơn GTGT	5111B	7.342.400	
15/10	HHAV	0068480	Thuế GTGT đầu ra	33311	734.240	
16/10	PTTV	PT10/34	CTy Trường Giang trả mua dầu	1111		10.000.000
12/12	HHAV	0019033	Hoá đơn GTGT	5111B	7.342.400	
12/12	HHAV	0019033	Thuế GTGT đầu ra	33311	734.240	

Ngày 31 tháng 12 năm 2008
 Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Biểu số 05: Sổ Chi tiết hàng hoá

CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II

SỔ CHI TIẾT HÀNG HOÁ

TỪ NGÀY: 01/01/2008 ĐẾN NGÀY 31/12/2008

KHO: KHO CỦA CHI NHÁNH

HÀNG HOÁ: DẦU MOBIL FH 40 x 208I

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	Nhập	Xuất			SL	TT	SL	TT	SL	TT
A	B	C	D	E	1		2	3	4	5
									2	8.127.212
13/2		0039314	Hoá đơn GTGT (Xí nghiệp tư nhân Quang Đạm)				2	8.127.212		
05/03	PN03/03		Nhập hàng dầu ESSO (CTCP Kho vận & DVTM)	4.253.600	5	21.268.000			5	21.268.000
19/03		0039347	Hoá đơn GTGT (HTX Biên Hoà)				1	4.253.600	4	17.014.400
30/05		0029749	Hoá đơn GTGT (HTX Biên Hoà)				1	4.253.600	3	12.760.800
12/12		0019033	Hoá đơn GTGT (Cty CP xây dựng & TM Trường Giang)				1	4.253.600	2	8.507.200
Tổng cộng					5	21.268.000	5	20.880.012	2	8.507.200

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán trưởng

Biểu số 06: Sổ chi tiết TK 632B

CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày: 31/12/2008

Tài khoản 632B - Giá vốn hàng hoá dầu

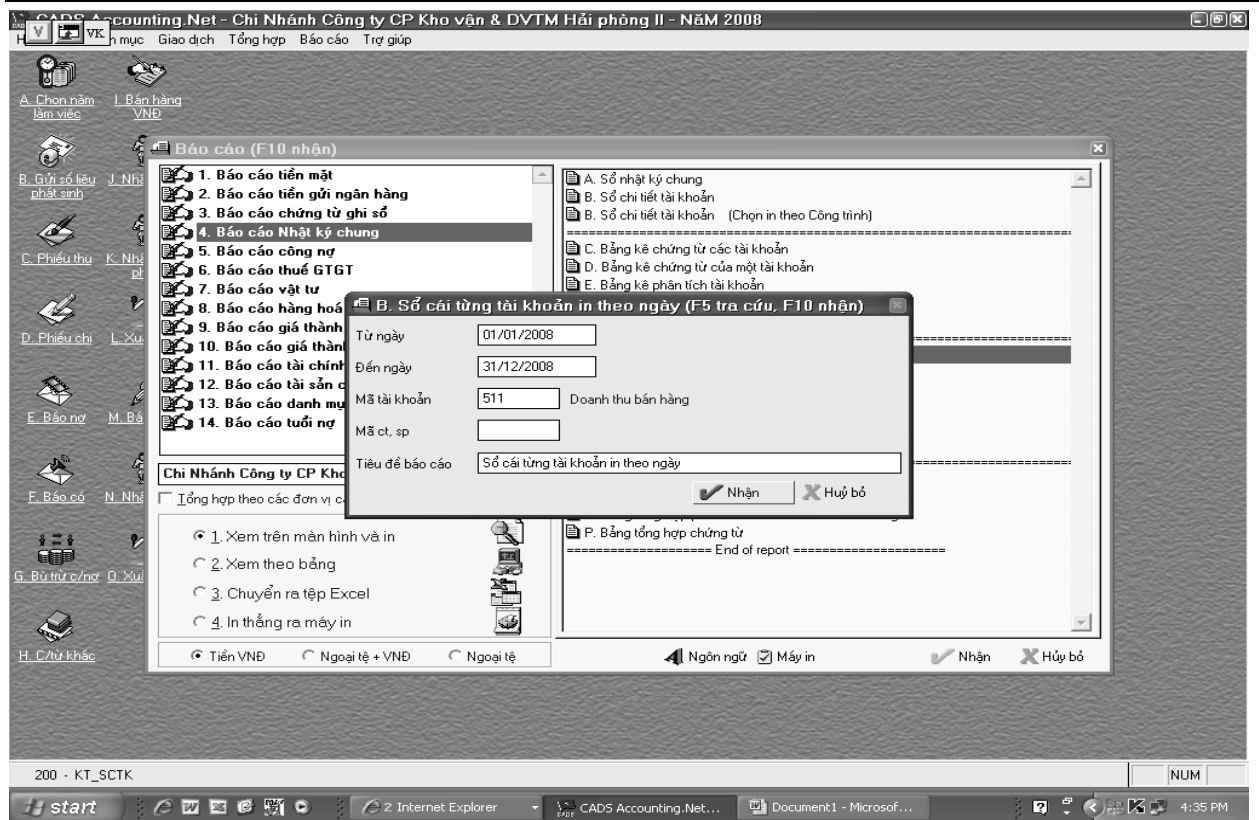
Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	PS nợ	PS có
03/12	0019018	Hoá đơn GTGT	156	50.524	
03/12	0019019	Hoá đơn GTGT	156	336.318	
...
12/12	0019031	Hoá đơn GTGT	156	16.325.316	
12/12	0019032	Hoá đơn GTGT	156	707.160	
12/12	0019033	Hoá đơn GTGT	156	4.253.600	
...
22/12	0019038	Hoá đơn GTGT	156	336.468	
...
25/12	0019048	Hoá đơn GTGT	156	10.508.992	
...
31/12	HPK12/19	Kết chuyển giá vốn hàng dầu 2008	911		1.798.202.221
		Tổng cộng		1.798.202.221	1.798.202.221

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

- Để in ra sổ cái tài khoản kế toán chọn Báo cáo/ Báo cáo Nhật ký chung/ Sổ Cái tài khoản. Sau khi khai báo mã tài khoản 632, 511, 131, 156 chọn biểu tượng Nhận để hiển thị và chọn F7 để in ra Sổ Cái TK 632, 511, 131, 156.



Biểu số 07: Sổ Cái TK 511

**CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II
SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày: 31/12/2008
Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chứng từ		Trích yếu	TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Dư đầu			
		Tổng phát sinh		159.603.286.538	159.603.286.538
		Dư cuối			
...
03/12	0019018	Hoá đơn GTGT	131		102.000
03/12	0019019	Hoá đơn GTGT	131		423.200
...
12/12	0019032	Hoá đơn GTGT	131		1.036.368
12/12	0019033	Hoá đơn GTGT	131		7.342.400
15/12	0019034	Hoá đơn GTGT	131		271.000
...
31/12	HPK12/18	Kết chuyển doanh thu BH & DV 2008	911	159.603.286.538	

Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Biểu số 08: Sổ Cái TK 131

**CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II
SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày: 31/12/2008
Tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng

Chứng từ		Trích yếu	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Dư đầu		10.312.575.074	
		Tổng phát sinh		213.575.686.529	208.251.295.540
		Dư cuối		15.636.966.063	
09/12	PT12/6	Cty TNHH TM Tạo Khoa trả tiền đầu	1111		10.000.000
12/12	0019033	Thuế GTGT đầu ra	33311	734.240	
12/12		Hoá đơn GTGT	5111B	7.342.400	
31/12	HPK12/06	Thuế GTGT đầu ra	33311	185.000	
31/12		Cước tiếp nhận V/c Cty CPNXK in SIC	511322	3.700.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Biểu số 09: Sổ Cái TK 632

**CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II
SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày: 31/12/2008
Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

Chứng từ		Trích yếu	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Dư đầu			
		Tổng phát sinh		153.706.205.890	153.706.205.890
		Dư cuối			
03/12	0019021	Hoá đơn GTGT	156	114.285.700	
12/12	0019033	Hoá đơn GTGT	156	4.253.600	
31/12	0019069	Hoá đơn GTGT	156	15.655.465.000	
31/12	HPK12/19	Kết chuyển giá vốn hàng bán 2008	911		153.706.205.890

Ngày 31 tháng 12 năm

2008

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu số 10: Sổ Cái TK 156

**CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II
SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày: 31/12/2008
Tài khoản 156 - Hàng hoá

Chứng từ		Trích yếu	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Dư đầu		36.852.819.439	
		Tổng PS		118.661.210.181	153.706.457.742
		Dư cuối		1.807.571.878	
...
03/12	0019018	Hoá đơn GTGT	632B		50.524
...
12/12	0019033	Hoá đơn GTGT	632B		4.253.600
...
19/12	PN12/07	Nhập hàng sắt thép	3361	15.655.465.000	
...

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Kế toán trưởng

2.2.1.4. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại Chi nhánh.

Đặc điểm chi phí bán hàng tại Chi nhánh.

- Chi phí bán hàng tại Chi nhánh bao gồm các loại chi phí liên quan đến bán hàng hoá và quá trình cung cấp dịch vụ như: Chi phí vật liệu bao bì, chi phí nhân viên bán hàng và cung cấp dịch vụ., chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Đặc điểm chi phí quản lý doanh nghiệp tại Chi nhánh.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Chi nhánh bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế, phí và lệ phí: bao gồm thuế môn bài, thuế đất,... chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Chứng từ sử dụng.

Các chứng từ liên quan đến chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp thường dùng gồm có: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng, hoá đơn GTGT dịch vụ mua ngoài và phiếu kế toán.

Tài khoản sử dụng.

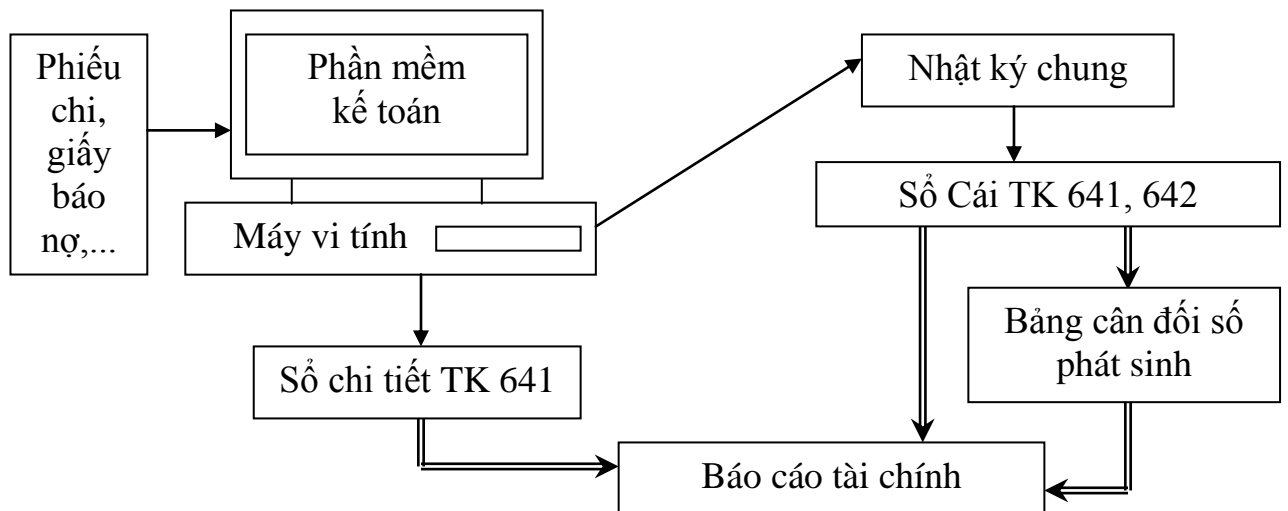
TK 641: Chi phí bán hàng gồm các TK cấp 2:

- TK 641A1: Chi phí kinh doanh thương mại văn phòng.
- TK 641A2: Chi phí giao nhận vận chuyển văn phòng.
- + TK 641A21: Chi phí giao nhận vận chuyển văn phòng (Tý).
- + TK 641A22: Chi phí giao nhận vận chuyển văn phòng (Tiền).
- TK 641D: Chi phí bán hàng đầu.

TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Quy trình hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Sơ đồ 2.6. Quy trình hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



Ghi chú: —————> Nhập số liệu hàng ngày
 =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
 <-----> Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ minh họa.

Ngày 31/12/2008, Chi nhánh nhận được giấy báo nợ của ngân hàng Vietcombank về tiền phí quản lý tài khoản tháng 12.

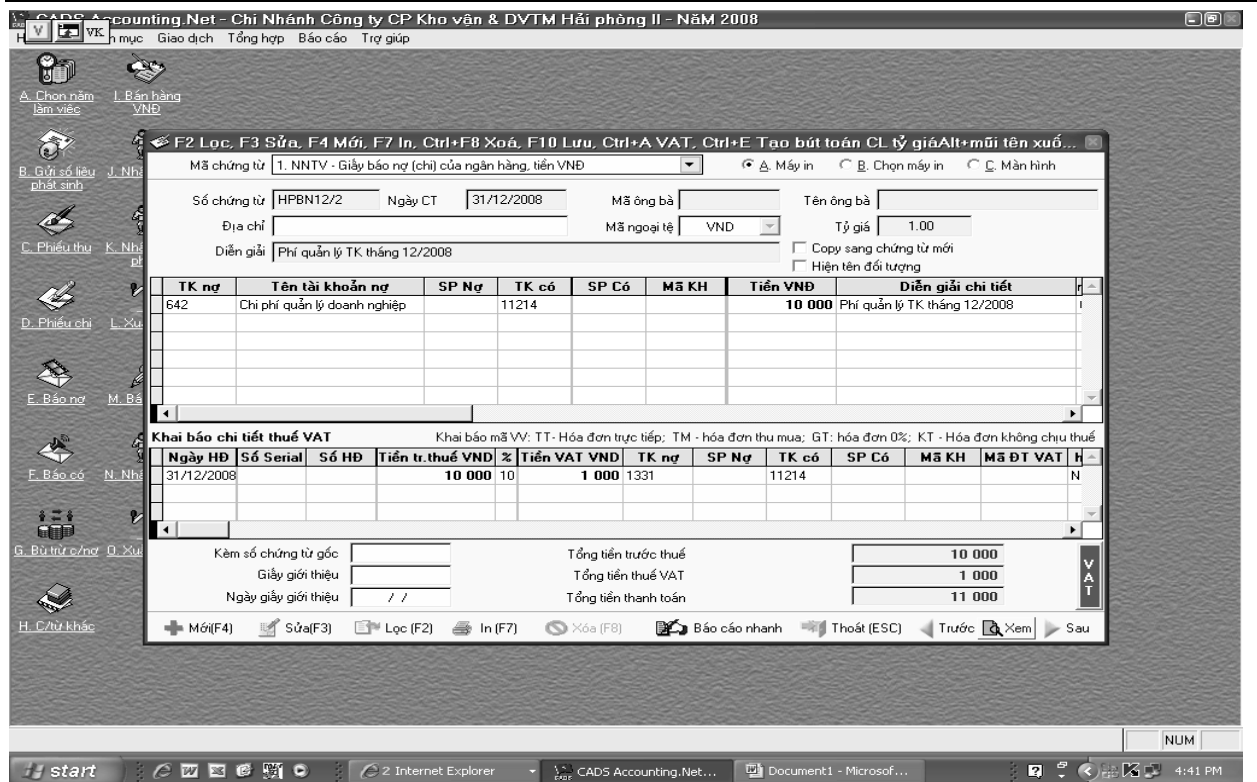
Biểu số 11: Giấy báo Nợ Ngân hàng Vietcombank.

Date printed: 1/01/09 6:01:19		
NGAN HANG NGOAI THUONG VIET NAM	Branch: 3 2 NTPNGA	
MA VAT: 0100112437-004		
GIAY BAO NO		
Ngày: 31/12/08		
So chung tu : DD4400 .000169599		
So chuyen tien :		
3HAI PHONG		
Ngươi tra tien : CN CTCP KHO VAN VA DV TM HP II		
So CIF: 126872 VAT khách hàng: 0100107691001		
So tai khoan : 31000069212 VND		
Địa chỉ : SO 52 TRAN KHANH DU, Q.NGO QUYEN, TP.HP		
3HAI PHONG		
Ngươi huong : THU PHI DỊCH VỤ TAI KHOAN-GTGT 10%	TK ghi co:	
So tai khoan : 439802003	Tai NH:	
So tien : 11,000.00 VND		
Mười một nghìn DONG		
Trong đó:		
Thu nhập: 10000.00VND	Thuế VAT: 1000.00	
Quy VND: 10000.00	1000.00	
Nội dung: Thu phí dịch vụ quản lý tài khoản tháng: 12/2008		
Thanh toán viên	Kiểm soát viên	Giám đốc

Căn cứ vào giấy báo nợ của ngân hàng, kế toán nhập số liệu vào phần mềm CADS theo các bước: Từ màn hình nền, chọn biểu tượng của phần mềm CADS/ Khai báo tên và mật khẩu của người dùng/ Chọn mục giấy báo nợ/ Nhấn F4 để lập mới/ Sau khi nhập dữ liệu xong chọn F10 để lưu. Máy sẽ tự động nhập số liệu vào các sổ theo quy trình như trên.

Các sổ sách, chứng từ liên quan: - Biểu số 12: Nhật ký chung.

- Biểu số 13: Sổ Cái TK 642.



- Để in ra sổ Nhật ký chung kế toán chọn Báo cáo/ Báo cáo Nhật ký chung/ Sổ Nhật ký chung. Chọn biểu tượng Nhận để hiển thị và chọn F7 để in ra Sổ Nhật ký chung.

Biểu số 12: Sổ Nhật ký chung

CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày: 31/12/2008

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh	
Ngày	Số CT			Nợ	Có
.....
16/12	HP2BC12/	Cty CP nhựa TN Tiên Phong trả mua dầu Cty CP nhựa TN Tiên Phong trả mua dầu	1121 131	10.853.590	10.853.590
31/12	PC12/60	Trả tiền cước tiếp nhận v/c tháng 12 Trả tiền cước tiếp nhận v/c tháng 12 Trả tiền cước tiếp nhận v/c tháng 12	641A21 1331 1111	13.200.000 660.000	13.860.000
31/12	HPBN12/2	Phí quản lý TK tháng 12/2008 Phí quản lý TK tháng 12/2008 Phí quản lý TK tháng 12/2008	642 1331 11214	10.000 1.000	11.000
Tổng cộng				1.134.592.404.431	1.134.592.404.431

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán trưởng

Biểu số 13: Sổ Cái TK 642

**CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II
SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày: 31/12/2008
Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chứng từ		Trích yếu	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Dư đầu			
		Tổng phát sinh		1.040.108.667	1.040.108.667
		Dư cuối			
18/12	PC12/35	Nhận tiền kỷ niệm 22/12/2008 (CBCNV)	1111	1.000.000	
31/12	HPBN12/2	Phí quản lý TK tháng 12/2008	11214	10.000	
31/12	HPK12/17	Trích lương CBCNV vào chi phí tháng 12	3341	139.359.123	
31/12	HPK12/19	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp 2008	911		1.019.536.667

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Chi nhánh.

Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính tại Chi nhánh

Doanh thu hoạt động tài chính của Chi nhánh phát sinh chỉ gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá dịch vụ.
- Lãi tỷ giá hối đoái.

Đặc điểm chi phí tài chính tại Chi nhánh.

Chi phí tài chính phát sinh tại Chi nhánh chủ yếu bao gồm:

- Trả lãi vay ngân hàng.
- Lỗ tỷ giá ngoại tệ.

Chứng từ sử dụng.

- Với doanh thu hoạt động tài chính: Chứng từ sử dụng gồm có phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng và phiếu kế toán khác.
- Với chi phí tài chính: Gồm có phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng và phiếu kế toán khác.

Tài khoản sử dụng:

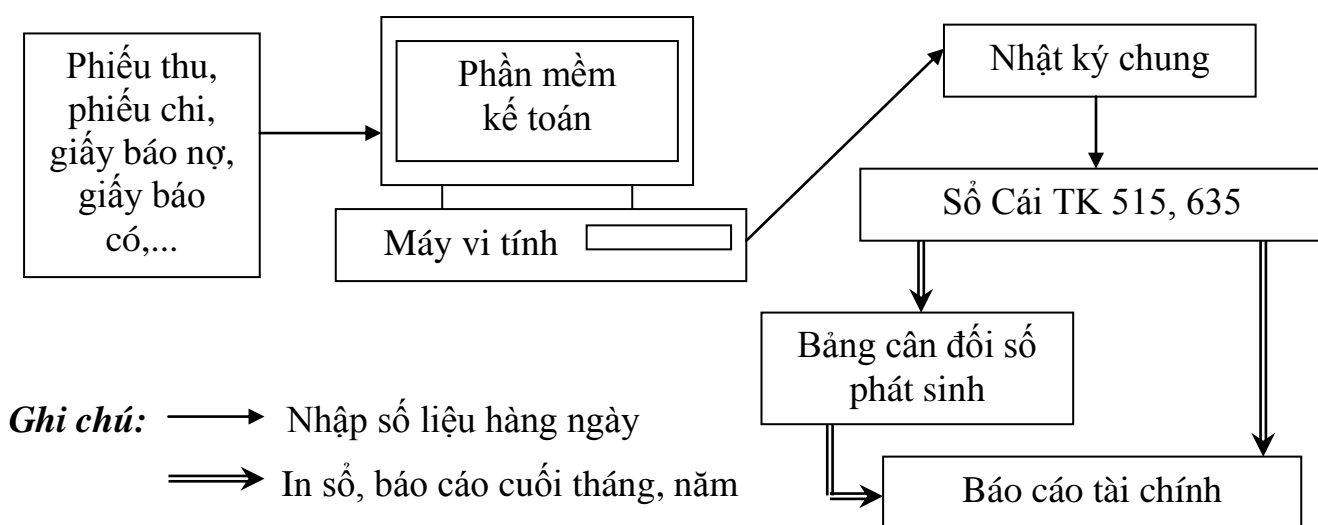
Tài khoản sử dụng về doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Chi nhánh gồm có: - TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

- TK 635: Chi phí tài chính.

Hai tài khoản trên đều không có tài khoản cấp 2.

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.

Sơ đồ 2.7. Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Chi nhánh

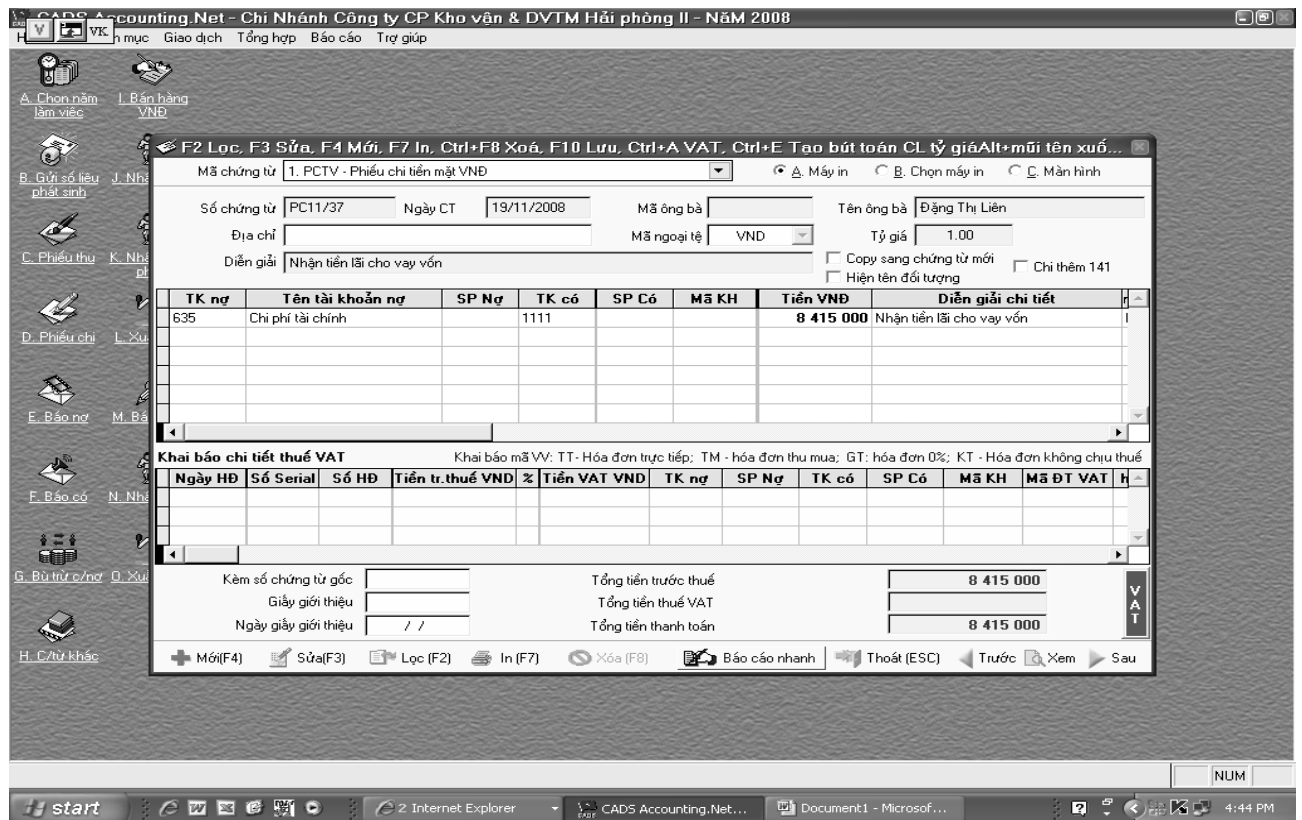


Ví dụ minh họa.

Ngày 19/11/2008, Chi nhánh trả tiền lãi vay vốn ngân hàng Công thương Ngô Quyền. Kế toán căn cứ vào giấy báo Nợ của ngân hàng lập phiếu chi số PC11/37 trên phần mềm kế toán máy.

Số liệu sẽ tự động được chuyển vào các sổ sách liên quan bao gồm:

- Biểu số 14: Phiếu chi số PC11/37.
- Biểu số 15: Sổ Nhật ký chung.
- Biểu số 16: Sổ Cái TK 635.



Biểu số 15: Phiếu chi số PC11/37

PHIẾU CHI

Ngày: 19/11/2008

Số CT **HP2PC11/37**

TK nợ **635 8.415.000**

Người nhận tiền	Phạm Minh Tuyền
Địa chỉ	Tổ kế toán
Về khoản	Nhận tiền lãi cho vay vốn
Số tiền	8.415.000 VNĐ
Bằng chữ	Tám triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng chẵn
Kèm theo	01 chứng từ gốc (Giấy báo Nợ số HPBN11/8)
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ)

Ngày 19 tháng 11 năm 2008

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Kế toán thanh toán	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Từ phiếu chi trên số liệu sẽ tự động được chuyển vào các sổ sách như đã nêu ở trên.

Biểu số 16: Sổ Nhật ký chung.

CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày: 31/12/2008

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh	
Ngày	Số CT			Nợ	Có
19/11	PC11/37	Trả lãi vay ngân hàng Công thương Trả lãi vay ngân hàng Công thương	635 1111	8.415.000	8.415.000
31/12	HP2BC12/	Lãi tiền gửi tháng 12/2008 Lãi tiền gửi tháng 12/2008	11211 515	39.764	39.764
31/12	HPK12/18	Kết chuyển doanh thu tài chính năm 2008 Kết chuyển doanh thu tài chính năm 2008	515 911	37.864.684	37.864.684
31/12	HPK12/19	Kết chuyển chi phí tài chính năm 2008 Kết chuyển chi phí tài chính năm 2008	911 635	606.883.681	606.883.681
		Tổng cộng		1.134.592.404.431	1.134.592.404.431

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán trưởng

Biểu số 17: Sổ Cái TK 635

CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày: 31/12/2008

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Chứng từ		Trích yếu	TK ĐƯ	Số tiền	
				Dư đầu	
		Tổng phát sinh		606.883.681	606.883.681
		Dư cuối			
29/02	PC02/53	Trả tiền lãi vay tháng 2/2008	1111	4.760.060	
30/06	HPK06/17	Phân bổ chi phí trả trước vào chi phí tháng 6/2008	1421	395.000.000	
19/11	PC11/37	Trả lãi vay ngân hàng Công thương	1111	8.415.000	
31/12	HPK12/19	Kết chuyển chi phí tài chính 2008	911		606.883.681

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán trưởng

2.2.3. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động khác tại Chi nhánh CTCP Kho vận và DVTM Hải Phòng II.

Đặc điểm thu nhập khác tại Chi nhánh:

Thu nhập khác tại Chi nhánh thường chỉ có các khoản thu từ thanh lý tài sản cố định và từ tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.

Đặc điểm chi phí khác tại Chi nhánh:

Đối với các khoản chi phí khác tại Chi nhánh gồm có các khoản sau:

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng.
- Tiền nộp phạt thuế.

Năm 2008, Chi nhánh không phát sinh các khoản chi phí khác.

Chứng từ sử dụng.

Chứng từ liên quan đến thu nhập khác tại Chi nhánh bao gồm phiếu thu, phiếu kê toán khác, giấy báo có của ngân hàng. Còn đối với chi phí khác thì gồm có phiếu chi, giấy báo Nợ ngân hàng và phiếu kê toán khác.

Quy trình hạch toán.

Quy trình hạch toán đối với thu nhập, chi phí khác tương tự như với doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

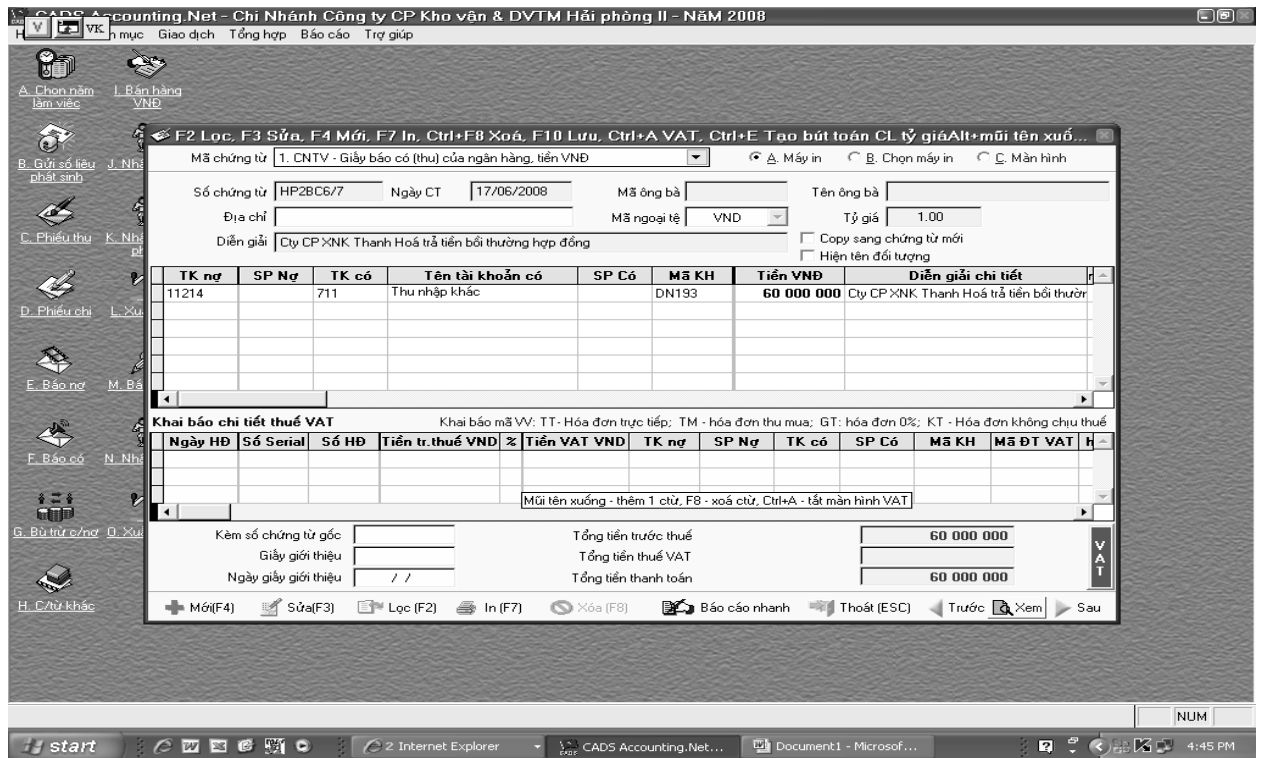
*** Ví dụ minh họa.**

Vào ngày 17/06, Chi nhánh nhận được tiền đền bù do vi phạm hợp đồng của Cty CP XNK Thanh Hoá thông qua tài khoản tại ngân hàng Vietcombank.

Kế toán căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng nhập số liệu vào máy. Thao tác thực hiện: từ màn hình nền, chọn biểu tượng của phần mềm CADS/ khai báo tên và mật khẩu của người dùng/ Chọn mục Giấy báo có/ Nhấn F4 để lập mới/ Sau khi nhập xong chọn F10 để lưu. Các số liệu sẽ tự động được chuyển vào Nhật ký chung, sổ Cái, và Bảng cân đối số phát sinh ...

Biểu số 18: Giấy báo Có ngân hàng Vietcombank.

NGAN HANG NGOAI THUONG VN HAI PHONG	GIAY BAO CO Ngày: 17/06/08	IBT - ONLINE Gio in: 10:52:46AM
So chung tu: 043.1878.0004	Ngày gio nhan:	
So chuyen tien: 43208061700004		
Note:		
NHNT Phu Tai	TK Ghi No:	
Ngươi tra tien: LE VAN LONG		
So tai khoan: 110101001		
Địa chỉ:		
NHNT Hai Phong	TK Ghi Co: 31000069212	
Ngươi huong: CN CTCP KHO VAN VA DV TM HP II		
So tai khoan: 00031000069212	Tai NH: VCB HAI PHONG	
So CMT:		
Địa chỉ:		
So tien: VND 60,000,000.00		
Sau mươi triệu VND		
Nội dung: LE VAN LONG-CTY CP XNK THANH HOA THANH TOAN CONG NO		
Ma VAT Ngân hàng: 0100112437055	Ma VAT khách hàng:	
GIAO DỊCH VIÊN	LIÊN 2	PHONG NGHIỆP VỤ



Biểu số 19: Sổ Nhật ký chung.

CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày: 31/12/2008

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh	
Ngày	Số CT			Nợ	Có
.....
17/06	HP2BC6/7	Cty CP XNK Thanh Hoá bồi thường HĐ Cty CP XNK Thanh Hoá bồi thường HĐ	11214 711	60.000.000	60.000.000
.....
31/12	HP2BC12/	Lãi tiền gửi tháng 12/2008 Lãi tiền gửi tháng 12/2008	11211 515	39.764	39.764
.....
Tổng cộng				1.134.592.404.431	1.134.592.404.431

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Kế toán trưởng

Biểu số 20: Sổ Cái TK 711

CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày: 31/12/2008
Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Chứng từ		Trích yếu	TKĐƯ	Số tiền	
		Dư đầu			
		Tổng phát sinh		60.000.000	60.000.000
		Dư cuối			
17/06	HP2BC6/7	Cty CP XNK Thanh Hoá bồi thường HĐ	11214	60.000.000	
31/12	HPK12/18	Kết chuyển thu nhập khác 2008	911		60.000.000

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Kế toán trưởng

2.2.4. Tổ chức công tác kế toán Xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh.**Đặc điểm kết quả kinh doanh của Chi nhánh.**

Tại Chi nhánh, việc xác định kết quả kinh doanh được thực hiện theo từng quý. Cuối mỗi quý, kế toán thực hiện thao tác kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Chứng từ sử dụng trong công tác hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh là các Phiếu kế toán.

- Tài khoản sử dụng bao gồm: + TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

+ TK 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chỉ tiêu để xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh:

- **Lợi nhuận gộp** = Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán

$$= 159.603.286.538 - 153.706.205.890 = \mathbf{5.897.080.684 \text{ VNĐ}}$$

- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**

$$= \text{LN gộp} + (\text{Doanh thu HĐ TC} - \text{Chi phí TC}) - (\text{Chi phí bán hàng} + \text{Chi phí QLDN}) = 5.897.080.684 + (37.864.684 - 606.883.681) - (3.817.952.984 + 1.040.108.667)$$

$$= \mathbf{470.000.000 \text{ VNĐ}}$$

- **Lợi nhuận khác** = Thu nhập khác - Chi phí khác = 60.000.000 - 0 =

$$\mathbf{60.000.000 \text{ VNĐ}}$$

- **Tổng lợi nhuận trước thuế**

$$= \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$= 470.000.000 + 60.000.000 = \mathbf{530.000.000 \text{ VNĐ}}$$

- **Chi phí thuế TNDN hiện hành** = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế x 14 %

$$= 530.000.000 \times 14\% = \mathbf{74.200.000 \text{ VNĐ}}$$

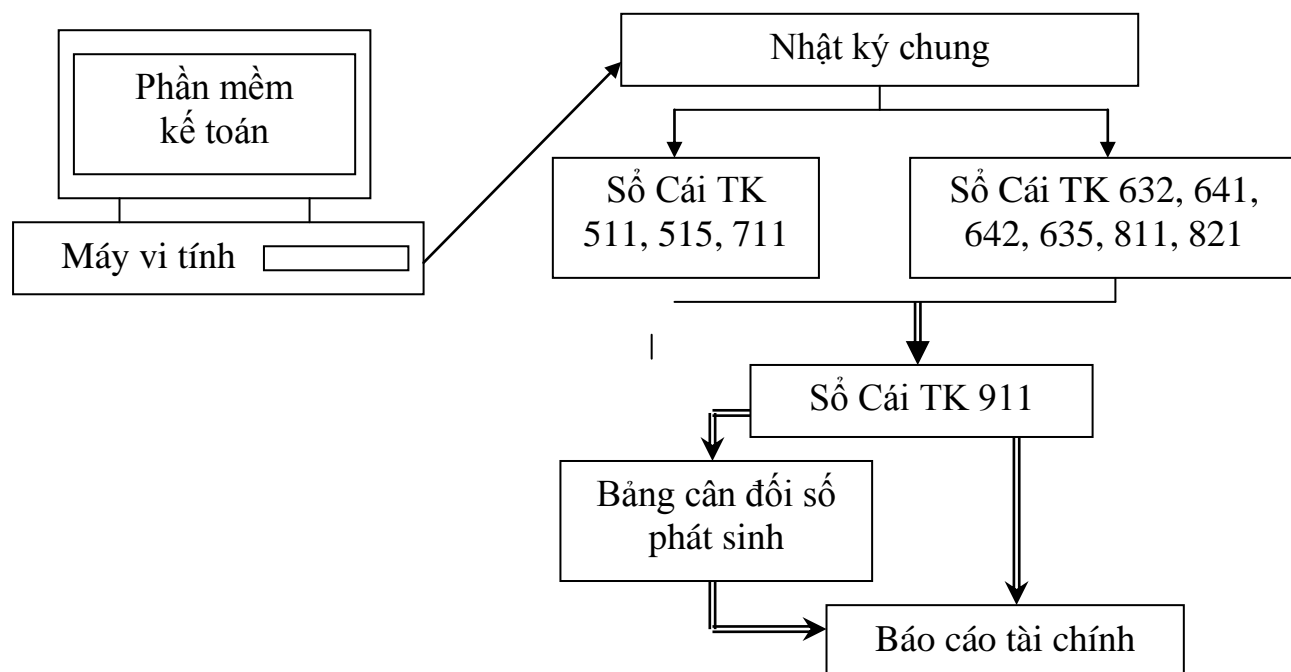
- **Lợi nhuận sau thuế**

$$= \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN hiện hành}$$

$$= 530.000.000 - 74.200.000 = \mathbf{455.800.000 \text{ VNĐ}}$$

Quy trình hạch toán.

Sơ đồ 2.8. Quy trình xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú: \longrightarrow Nhập số liệu hàng ngày
 \Longrightarrow In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

*** Ví dụ minh họa.**

- Ngày 31/12/2008, kế toán thực hiện xác định kết quả kinh doanh năm 2008 của Chi nhánh, từ số liệu trên sổ Cái các TK 511, 515, 711, 632, 641, 642, 635, 811, 821, kế toán lập Phiếu kế toán khác để kết chuyển doanh thu, chi phí năm 2008 bằng phần mềm kế toán máy.

- Các thao tác thực hiện: Kế toán chọn biểu tượng của phần mềm CADS/ Khai báo tên và mật khẩu của người dùng/ Chọn mục C/từ khác / Nhấn F4 để lập mới/ Sau khi nhập dữ liệu lấy từ sổ phát sinh bên Có đối với các TK 511, 515, 711 và số phát sinh bên Nợ đối với các TK 632, 641, 642, 635, 811, 821 xong chọn F10 để lưu. Số liệu sau khi nhập sẽ tự động chuyển vào các sổ sách liên quan theo quy trình trên.

Sổ sách liên quan gồm có:

- Biểu số 21: Sổ Nhật ký chung
- Biểu số 22: Sổ Cái TK 911
- Biểu số 23: Sổ Cái TK 421

Biểu số 21: Sổ Nhật ký chung

CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày: 31/12/2008

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh	
Ngày	Số CT			Nợ	Có
31/12	HPK12/18	Kết chuyển doanh thu bán hàng sắt 2008 Kết chuyển doanh thu bán hàng sắt 2008	5111A 911	137.579.860.975	137.579.860.975
31/12	HPK12/18	Kết chuyển doanh thu bán hàng dầu 2008 Kết chuyển doanh thu bán hàng dầu 2008	5111B 911	2.331.814.046	2.331.814.046
31/12	HPK12/18	Kết chuyển doanh thu bán hàng khác 2008 Kết chuyển doanh thu bán hàng khác 2008	5111E 911	18.068.446.862	18.068.446.862
31/12	HPK12/18	Kết chuyển doanh thu thuê kho 2008 Kết chuyển doanh thu thuê kho 2008	5113I 911	1.053.194.177	1.053.194.177
31/12	HPK12/18	Kết chuyển doanh thu dịch vụ vận tải 2008 Kết chuyển doanh thu dịch vụ vận tải 2008	51132 911	569.970.478	569.970.478
31/12	HPK12/18	Kết chuyển doanh thu tài chính năm 2008 Kết chuyển doanh thu tài chính năm 2008	515 911	37.864.684	37.864.684
31/12	HPK12/18	Kết chuyển thu nhập khác năm 2008 Kết chuyển thu nhập khác năm 2008	711 911	60.000.000	60.000.000
31/12	HPK12/19	Kết chuyển giá vốn hàng sắt năm 2008 Kết chuyển giá vốn hàng sắt năm 2008	911 632A	136.064.209.266	136.064.209.266
31/12	HPK12/19	Kết chuyển giá vốn hàng dầu năm 2008 Kết chuyển giá vốn hàng dầu năm 2008	911 632B	1.798.202.221	1.798.202.221
31/12	HPK12/19	Kết chuyển giá vốn hàng khác năm 2008 Kết chuyển giá vốn hàng khác năm 2008	911 632E	15.843.794.403	15.843.794.403
31/12	HPK12/19	Kết chuyển chi phí KDTMVP năm 2008 Kết chuyển chi phí KDTMVP năm 2008	911 641A1	2.922.006.739	2.922.006.739
31/12	HPK12/19	Kết chuyển chi phí GNVCVP(Tý) năm 2008 Kết chuyển chi phí GNVCVP(Tý) năm 2008	911 641A21	553.289.111	553.289.111
31/12	HPK12/19	Kết chuyển chi phí bán hàng dầu năm 2008 Kết chuyển chi phí bán hàng dầu năm 2008	911 641D	342.657.134	342.657.134
31/12	HPK12/19	Kết chuyển chi phí QLDN năm 2008 Kết chuyển chi phí QLDN năm 2008	911 642	1.040.108.667	1.040.108.667
31/12	HPK12/19	Kết chuyển chi phí tài chính năm 2008 Kết chuyển chi phí tài chính năm 2008	911 635	606.883.681	606.883.681
31/12	HPK12/19	Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2008 Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2008	911 821	72.400.000	72.400.000
31/12	HPK12/20	Kết chuyển lãi năm 2008 Kết chuyển lãi năm 2008	911 421	455.800.000	455.800.000
Tổng Cộng				1.134.592.404.431	1.134.592.404.431

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán trưởng

Biểu số 22: Sổ Cái TK 911

**CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II
SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày:31/12/2008
Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Chứng từ		Trích yếu	TKĐƯ'	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Dư đầu			
		Tổng phát sinh		319.402.302.444	319.402.302.444
		Dư cuối			
31/12	HPK12/18	Kết chuyển doanh thu bán hàng sắt 2008	5111A		137.579.860.975
31/12	HPK12/18	Kết chuyển doanh thu bán hàng dầu 2008	5111B		2.331.814.046
31/12	HPK12/18	Kết chuyển doanh thu bán hàng khác 2008	5111E		18.068.446.862
31/12	HPK12/18	Kết chuyển doanh thu thuê kho 2008	51131		1.053.194.177
31/12	HPK12/18	Kết chuyển doanh thu dịch vụ vận tải 2008	51132		569.970.478
31/12	HPK12/18	Kết chuyển doanh thu tài chính năm 2008	515		37.864.684
31/12	HPK12/18	Kết chuyển thu nhập khác năm 2008	711		60.000.000
31/12	HPK12/19	Kết chuyển giá vốn hàng sắt năm 2008	632A	136.064.209.266	
31/12	HPK12/19	Kết chuyển giá vốn hàng dầu năm 2008	632B	1.798.202.221	
31/12	HPK12/19	Kết chuyển giá vốn hàng khác năm 2008	632E	15.843.794.403	
31/12	HPK12/19	Kết chuyển chi phí KDTMVP năm 2008	641A1	2.922.006.739	
31/12	HPK12/19	Kết chuyển chi phí GNVCVP(Tý) năm 2008	641A21	553.289.111	
31/12	HPK12/19	Kết chuyển chi phí bán hàng dầu năm 2008	641D	342.657.134	
31/12	HPK12/19	Kết chuyển chi phí QLDN năm 2008	642	1.040.108.667	
31/12	HPK12/19	Kết chuyển chi phí tài chính năm 2008	635	606.883.681	
31/12	HPK12/19	Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2008	821	72.400.000	
31/12	HPK12/20	Kết chuyển lãi năm 2008	421	455.800.000	

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Kế toán trưởng

Biểu số 23: Sổ Cái TK 421**CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II****SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày:31/12/2008

Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Chứng từ		Trích yếu	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Dư đầu			436.996.000
		Tổng phát sinh		426.996.000	455.800.000
		Dư cuối			465.800.000
31/07	HPK07/08	Phân bổ lãi năm 2007	3361	384.296.000	
31/07	HPK07/08	Phân bổ lãi năm 2007 vào quỹ dự phòng tài chính	415	21.350.000	
31/07	HPK07/08	Phân bổ lãi năm 2007 vào quỹ khen thưởng	4311	12.800.000	
31/12	HPK07/08	Phân bổ lãi năm 2007 vào quỹ phúc lợi	4312	8.550.000	
31/12	HPK12/20	Lãi kết chuyển năm 2008	911		455.800.000

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Kế toán trưởng

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HẢI PHÒNG II.

3.1. Định hướng phát triển tại Chi nhánh.

Đối với hoạt động kinh doanh nói chung:

Từ tháng 01/2009, Chi nhánh tiến hành hoạt động kinh doanh theo đúng chỉ tiêu chất lượng ISO (9001-2008) từ khâu quản lý đến hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ. Chi nhánh dự định đến hết năm 2009 sẽ hoàn thành được những mục tiêu như nâng cao trình độ quản lý, khai thác được tối đa những lợi thế trong kinh doanh, tăng doanh thu Chi nhánh từ 10 – 20%, ...Cụ thể như sau:

Đối với hoạt động kinh doanh kho bãi:

Đây là một lĩnh vực có nguồn thu khá ổn định của Chi nhánh vì vậy trong những năm tới Chi nhánh đang lên kế hoạch từng bước đầu tư tu bổ, sửa chữa, nâng cấp hệ thống kho bãi để nhằm nâng cao chất lượng kho bãi, thu hút khách hàng. Đồng thời khai thác các khả năng để có thể xây thêm kho, bãi Container, kinh doanh ở những khu vực đang có nhu cầu lớn ở Hải Phòng như các Cảng. Ngoài ra, trong tương lai Chi nhánh sẽ tìm kiếm các đối tác tiến tới đầu tư kinh doanh kho chuyên dùng như là kho lạnh. Mục tiêu của Chi nhánh là khai thác 100% lợi thế về kho bãi để tăng doanh thu mỗi năm từ 10 – 15%.

Đối với hoạt động kinh doanh giao nhận vận tải:

Chi nhánh đang từng bước tăng cường, củng cố và mở rộng khả năng giao nhận vận tải với trọng tâm là nâng cao chất lượng dịch vụ, sắp xếp lại tổ chức quản lý, điều hành đảm bảo tính khoa học, thực hiện các quy trình đại lý, giao nhận vận tải quốc tế theo thông lệ quốc tế. Đồng thời tích cực mở rộng thêm các lĩnh vực như dịch vụ cảng biển, môi giới tàu, quá cảnh...Chi nhánh phấn đấu trong những năm tới sẽ góp phần tăng lợi nhuận từ 10 – 20% một năm.

Đôi với hoạt động kinh doanh hàng hoá:

Hiện tại Chi nhánh đang tập trung trọng tâm vào một số mặt hàng chính như Dầu nhờn, sắt thép, s ăm lớp,... để củng cố, giữ vững hệ thống mua bán đầu vào, đầu ra ngày một ổn định hơn để từ đó làm nòng cốt phát triển, mở rộng thêm các mặt hàng cũng như khách hàng mới. Quan tâm mở mang thị trường không chỉ ở phạm vi trong nước mà còn cả ở nước ngoài để thúc đẩy hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu phát triển. Mục tiêu trong những năm tới là tăng doanh thu của Chi nhánh từ 10 – 20% mỗi năm.

Bảng kế hoạch sản xuất kinh doanh trong ba năm tới của Chi nhánh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
I	Tổng doanh thu	177,469.759	212,849.495	255,403.175
1	Doanh thu KD kho bãi	1,211.173	1,392.849	1,601.777
2	Doanh thu giao nhận VT	655.466	786.559	943.872
3	Doanh thu KD hàng hoá	175,563.362	210,676.338	252,811.606
4	Doanh thu tài chính	39.758	41.749	45.920
II	Tổng chi phí	176,364.060	211,307.986	253,471.104
III	Lợi nhuận trước thuế	1,105.699	1,541.509	1,932.071
IV	Các khoản nộp ngân sách	10,843.379	13,020.667	15,603.246
1	Thuế VAT	10,151.344	12,177.808	14,612.441
2	Thuế TNDN	276.425	385.377	483.018
3	Thuế XNK	209.750	251.622	301.927
4	Thuế đất, môn bài, thuế khác	205.860	205.860	205.860
V	Lợi nhuận sau thuế	829.274	1,156.132	1,449.053

Tóm lại: Mục tiêu trước mắt của Chi nhánh là ngày càng phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh. Để làm được tất cả những việc đó Chi nhánh đề ra mục tiêu là ngày càng nâng cao chất lượng hàng hoá, dịch vụ đáp ứng nhu cầu nền kinh tế.

3.2. Đánh giá về thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.

3.2.1. Kết quả đạt được.

3.2.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán.

- Là một Chi nhánh có qui mô nhỏ, chủ yếu hoạt động kinh doanh thương mại, vì vậy việc áp dụng mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung là khá phù hợp. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hoá của cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

- Về nhân sự, bộ phận kế toán có bốn người gồm một kế toán trưởng và ba kế toán viên rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại Chi nhánh. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có bề dày kinh nghiệm, vững vàng kiến thức chuyên môn (trình độ đều từ đại học trở lên) giúp cho công tác kế toán tại Chi nhánh đạt hiệu quả cao.

3.2.1.2. Về tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Chi nhánh áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách cho đến cách thức vào sổ, ngoài ra nó còn là hình thức phù hợp nhất và được sử dụng nhiều nhất cho các phần mềm kế toán trên máy vi tính.

Đồng thời Chi nhánh sử dụng đầy đủ các loại sổ sách từ chi tiết cho đến tổng hợp như:

- Sổ chi tiết doanh thu theo dõi riêng biệt cho từng loại doanh thu như doanh thu bán hàng hoá, doanh thu cung cấp dịch vụ. Trong từng loại doanh thu thì lại được chi tiết theo từng mặt hàng, dịch vụ như doanh thu bán hàng dầu, doanh thu bán hàng sắt,...giúp Chi nhánh thấy được những mặt hàng, dịch vụ có số lượng tiêu thụ nhiều, mang lại doanh thu lớn cho Chi nhánh. Từ đó, các nhà quản trị sẽ đưa ra quyết định nên lựa chọn mặt hàng, dịch vụ nào làm mặt hàng, dịch vụ chiến lược.

- Tương ứng với các sổ chi tiết doanh thu là các sổ chi tiết về giá vốn, sổ chi tiết của các loại chi phí liên quan đều được theo dõi riêng biệt.

- Ngoài ra, kế toán còn mở các sổ chi tiết khác như sổ chi tiết hàng hoá cho từng mặt hàng, giúp theo dõi cụ thể từng danh mục hàng hoá mua vào, bán ra của Chi nhánh, sổ chi tiết công nợ cho từng đối tượng khách hàng giúp theo dõi việc thanh toán, chi trả của khách hàng trở nên dễ dàng, thuận tiện hơn. Đồng thời giúp ban quản trị Chi nhánh thấy được tình hình bị chiếm dụng vốn của Chi nhánh để có các chính sách thu hồi công nợ hợp lý.

Các bảng tổng hợp và sổ Cái tài khoản được phản ánh một cách đầy đủ, khoa học đảm bảo được yêu cầu về đối chiếu, kiểm tra từ đó tránh được những sai sót trong quá trình hạch toán.

3.2.1.3. Về ứng dụng khoa học công nghệ.

Nhận thức được tầm quan trọng cũng như những tiện ích tối ưu mà khoa học công nghệ đem lại, Chi nhánh đã tiến hành trang bị các dàn máy vi tính hiện đại đồng thời mua bản quyền sử dụng phần mềm kế toán máy CADS của Công ty ứng dụng và phát triển phần mềm tin học CADS. Tổ chức thông tin kế toán trong CADS là rất rõ ràng, cụ thể lại được thiết kế theo nguyên tắc của hình thức kế toán Nhật ký chung nên kế toán chỉ cần lựa chọn thông tin rồi nhập vào phần mềm trên máy vi tính, phần mềm không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng sẽ tự động ghi nhận và in ra kết quả. Việc ứng dụng khoa học công nghệ này đã đem lại những lợi ích thiết thực trong công tác kế toán tại Chi nhánh nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng như giảm bớt được đáng kể khối lượng công việc so với kế toán ghi sổ nhưng vẫn đảm bảo tính hợp lý và khoa học trong công tác kế toán. Từ việc giảm bớt khối lượng công việc, Chi nhánh có thể cắt giảm được những lao động dư thừa (bộ phận kế toán Chi nhánh hiện tại chỉ gồm có 04 người, giảm 02 người so với khi Chi nhánh chưa áp dụng phần mềm kế toán) để tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

3.2.1.4. Về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Tổ chức thông tin tại Chi nhánh được thực hiện khá tốt, luôn cập nhật kịp thời, chính xác những thay đổi mới về chế độ, chuẩn mực kế toán trong đó có vấn đề doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Cụ thể, hiện nay Chi nhánh đang thực hiện công tác kế toán theo đúng những quy định mới nhất trong quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp,...

Chi nhánh đã xây dựng cho mình một hệ thống biểu mẫu chứng từ phù hợp với quy định mới nhất của Bộ Tài chính. Các chứng từ ban đầu này đều được ghi chép theo đúng thời gian và có chữ ký đầy đủ của các bộ phận liên quan, sau khi đã kiểm tra tính hợp pháp hợp lệ mới được sử dụng để vào sổ kế toán máy. Hệ thống tài khoản kế toán và phương pháp hạch toán cũng được áp dụng phù hợp với quy định mới của Bộ Tài chính.

Việc cập nhật kịp thời cũng như việc áp dụng những quy định mới về chế độ kế toán giúp cho Chi nhánh tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, tránh được những sai sót không đáng có.

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Chi nhánh đảm bảo hạch toán doanh thu chi tiết, đầy đủ, kịp thời. Cụ thể các hóa đơn GTGT được nhập ngay vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ trên tất cả các sổ sách liên quan từ sổ chi tiết cho đến sổ tổng hợp.

- Về tổ chức kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng được cập nhật nhanh chóng, chi tiết vào máy tính. Tuy nhiên, Chi nhánh không tiến hành hạch toán giá vốn đối với dịch vụ. Điều này đem lại nhiều thuận lợi cho quá trình hạch toán giá vốn của Chi nhánh bởi đặc điểm của cung cấp dịch vụ tại đơn vị thường có giá trị không lớn, các loại chi phí trực tiếp liên quan phát sinh không nhiều vì thế không tiến hành tính giá vốn sẽ giảm thiểu được khối lượng công việc.

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Chi nhánh tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo từng quý vì vậy sẽ luôn đảm bảo được quá trình cung cấp thông tin kịp thời về kết quả hoạt động kinh doanh, giúp cho Ban lãnh đạo Chi nhánh ra những quyết định về kinh doanh để ngày càng nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng lợi nhuận.

3.2.2. Hạn chế.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Chi nhánh cũng không tránh khỏi những hạn chế, những mặt chưa hoàn thiện.

3.2.2.1. Về tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Chi nhánh đã sử dụng các loại sổ chi tiết về doanh thu, giá vốn để theo dõi tình hình hàng hóa, dịch vụ được bán ra một cách chi tiết. Nhưng do đặc điểm kinh doanh của Chi nhánh là doanh nghiệp thương mại vì vậy, số lượng các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ phát sinh khá lớn. Do đó, bên cạnh việc sử dụng các sổ chi tiết trên phần mềm kế toán máy, kế toán Chi nhánh cũng nên lập thêm sổ Nhật ký bán hàng ghi chép tay. Vì trong quá trình kế toán nhập số liệu trực tiếp từ các chứng từ vào sổ kế toán máy có thể xảy ra các sai sót do phần mềm tự động chuyển dữ liệu vào tất cả các sổ sách liên quan. Khi đã nhập sai thì dữ liệu trên tất cả các sổ sách cũng sẽ sai. Vì vậy, kế toán lập thêm sổ Nhật ký bán hàng một mặt vừa theo dõi riêng biệt các loại hàng hoá, dịch vụ đem lại doanh thu. Một mặt lại có thêm tài liệu để đối chiếu, so sánh với số liệu trên sổ kế toán máy để bất cứ lúc nào cũng có thể tiến hành so sánh, đối chiếu, kiểm tra xem số liệu ghi trên hai loại sổ này có khớp với nhau không. Nếu chưa khớp thì kế toán tiến hành điều chỉnh cho phù hợp.

3.2.2.2. Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- *Về tình hình quản lý công nợ:* Chi nhánh không trích lập dự phòng phải thu khó đòi và cũng không áp dụng chiết khấu thanh toán. Đây là một hạn chế đối với Chi nhánh bởi là một doanh nghiệp thương mại thì quy mô các khoản phải thu khách hàng là rất lớn mà việc thanh toán của các khách hàng đôi khi còn rất chậm. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần lớn tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán. Mặt khác, thời hạn mà doanh nghiệp phải thanh toán với

người bán (trừ Tổng Công ty) lại ngắn, thường là khi nhập hàng hoá về thì Chi nhánh phải trả trước cho người bán khoảng 70% giá trị hàng mua còn lại 30% sẽ phải hoàn trả trong vài tháng, điều đó càng làm cho vốn kinh doanh của Chi nhánh quay vòng chậm và ngày càng bị chiếm dụng và bị ứ đọng vốn.

- **Đối với khoản chiết khấu thương mại:** Hiện nay, tại Chi nhánh không sử dụng đến các tài khoản giảm trừ doanh thu như TK 521 - Chiết khấu thương mại, TK 531 - Hàng bán bị trả lại, TK 532 - Giảm giá hàng bán. Việc Chi nhánh không sử dụng hai tài khoản 531, 532 là hợp lý vì hàng bán bị trả lại ở Chi nhánh thường không xảy ra do Chi nhánh bán hàng trực tiếp theo đơn đặt hàng và bán theo hợp đồng. Còn đối với giảm giá hàng bán thì do đặc điểm mặt hàng kinh doanh của Chi nhánh rất khó xảy ra trường hợp bị lỗi hay bị hỏng hóc làm giảm giá trị. Nhưng riêng với TK 521 - Chiết khấu thương mại thì việc hiện nay tại Chi nhánh không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại cho khách hàng là một bất lợi, bởi việc không áp dụng chiết khấu thương mại sẽ không khuyến khích được khách hàng mua hàng với số lượng lớn, giữ chân những khách hàng lâu năm và thu hút những khách hàng mới có tiềm năng. Từ đó, Chi nhánh khó tăng được lượng hàng tiêu thụ và khó tăng được doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- **Đối với việc hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp:** Do Chi nhánh không tiến hành hạch toán giá vốn đối với dịch vụ cung cấp nên các chi phí liên quan đến dịch vụ phát sinh kế toán Chi nhánh đưa vào Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp. Đối với chi phí của dịch vụ giao nhận vận chuyển, đơn vị đưa vào chi phí bán hàng và đã lập sổ chi tiết 641A2 để theo dõi chi phí dịch vụ giao nhận vận chuyển nhưng đối với chi phí dịch vụ cho thuê kho đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp thì Chi nhánh lại không theo dõi chi tiết trên tài khoản cấp hai mà lại hạch toán chung vào TK 642. Điều đó sẽ gây khó khăn trong việc theo dõi các khoản chi phí liên quan đến dịch vụ này và việc tập hợp chi phí để xác định kết quả kinh doanh đối với loại hình dịch vụ này cũng khó hơn khiến cho ban quản lý Chi nhánh không nắm bắt kịp thời được tình hình kinh doanh cũng như lợi ích mà dịch vụ này đem lại. Từ đó có thể dẫn đến việc đánh giá không chính xác về vai trò của dịch vụ cho thuê kho đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh của Chi nhánh.

3.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.

Qua quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh, cá nhân em đã thấy được quá trình hoạt động kinh doanh của Chi nhánh có rất nhiều điểm tích cực nhưng bên cạnh đó cũng có những mặt hạn chế. Trước yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Chi nhánh cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, đồng thời thuận lợi cho quá trình làm việc của cán bộ kế toán Chi nhánh và quá trình ra quyết định của các nhà quản trị, trên cơ sở những kiến thức được học và thực tế, em xin đưa ra các giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Chi nhánh công ty CP Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II như sau:

3.3.1. Giải pháp hoàn thiện tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Trong quá trình thực hiện công tác kế toán bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ, kế toán Chi nhánh không sử dụng sổ Nhật ký bán hàng. Vì vậy, sẽ không có tài liệu sổ sách để đối chiếu với các sổ chi tiết cũng như sổ Cái về doanh thu hay hàng hoá trên phần mềm kế toán máy. Do đó, kế toán nên mở thêm sổ Nhật ký bán hàng để theo dõi riêng biệt hàng hoá bán ra và cung cấp dịch vụ, điều này hoàn toàn phù hợp với chế độ kế toán, vừa khoa học lại vừa hợp lý ngoài ra còn đảm bảo được tính chính xác đối với các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình bán hàng.

Đối với sổ Nhật ký bán hàng thì nên được kế toán phụ trách về hàng hoá tiến hành ghi chép tay song song với việc theo dõi ở các sổ chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trên sổ kế toán máy.

Biểu số 24: Mẫu sổ Nhật ký bán hàng.

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S03a4 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG

Năm:

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu từ người mua (Ghi Nợ)	Ghi Có TK doanh thu		
	Số hiệu	Ngày tháng			Hàng hoá	Thành phẩm	Dịch vụ
A	B	C	D	1	2	3	4
			Số trang trước chuyển sang				
			Cộng chuyển sang trang sau				

Mục đích của sổ Nhật ký bán hàng là dùng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng của doanh nghiệp như: Bán hàng hoá, bán thành phẩm, cung cấp dịch vụ.

Sổ Nhật ký bán hàng dùng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng theo hình thức thu tiền sau (bán chịu) hoặc trường hợp khi người mua ứng tiền trước.

Kết cấu và cách ghi sổ:

Cột A: Ghi ngày, tháng ghi sổ.

Cột B, C: Ghi số hiệu, ngày tháng lập của chứng từ dùng làm căn cứ ghi sổ.

Cột D: Ghi tóm tắt nội dung nghiệp vụ phát sinh của chứng từ kế toán.

Cột 1: Ghi số tiền phải thu từ người mua theo doanh thu bán hàng.

Cột 2, 3, 4: Mở theo yêu cầu của doanh nghiệp để ghi doanh thu theo từng loại nghiệp vụ như: Bán hàng hoá, bán thành phẩm, bán bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ,... Trường hợp doanh nghiệp mở sổ này cho từng loại doanh thu: Bán hàng hoá, bán thành phẩm, bán bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ,... thì các cột này có thể dùng để ghi chi tiết cho từng loại hàng hoá, thành phẩm, bất động sản đầu tư, dịch vụ. Trường hợp không cần thiết doanh nghiệp có thể gộp 3 cột này thành 1 cột để ghi doanh thu bán hàng chung.

Cuối trang sổ, cộng số lũy kế để chuyển sang trang sau. Đầu trang sổ, ghi số cộng trang trước chuyển sang.

Do cột 2, 3, 4 được mở theo yêu cầu của doanh nghiệp nên tùy vào đặc điểm hay yêu cầu của doanh nghiệp để ghi doanh thu theo từng loại nghiệp vụ vì vậy tại Chi nhánh mẫu sổ có thể bỏ cột 3: Thành phẩm bởi tại Chi nhánh không có nghiệp vụ bán thành phẩm và cột 2: Hàng hoá có thể chia nhỏ thành 3 cột gồm: Cột 2.1: Hàng hoá sắt thép, cột 2.2: Hàng hoá dầu, cột 2.3: Hàng hoá khác.

Ví dụ cụ thể:

- Ngày 31/12/2008, Chi nhánh tiến hành thực hiện dịch vụ tiếp nhận vận chuyển cho Tổng Cty thiết bị điện VN với giá trị dịch vụ là 2.400.000 VNĐ. Đồng thời cùng ngày hôm đó Chi nhánh cũng bán bán hàng hoá sắt thép cho Cty Cp đầu tư Tân Hương với giá trị là 3.000.000.000 VNĐ. Căn cứ vào hoá đơn GTGT bán hàng sắt thép số 0019066 và hoá đơn GTGT dịch vụ số 0019056, kế toán hàng hoá tiến hành định khoản để ghi vào sổ Nhật ký bán hàng song song với việc ghi vào sổ Chi tiết TK 5111A: Doanh thu bán hàng sắt trên sổ kế toán máy và Sổ chi tiết TK 51132: Doanh thu GNVC văn phòng.

Kế toán tiến hành định khoản như sau:

1, Đối với dịch vụ, kế toán ghi:

Nợ TK 131	:	2.520.000 VNĐ
Có TK 51132	:	2.400.000 VNĐ
Có TK 33311	:	120.000 VNĐ

Đồng thời với việc ghi nhận doanh thu, kế toán cũng ghi nhận giá vốn nhưng do tại Chi nhánh không tiến hành tính giá vốn dịch vụ nên các chi phí phát sinh liên quan sẽ được phản ánh vào TK 641A2 khi Chi nhánh tập hợp hết các chi phí liên quan đến quá trình cung cấp dịch vụ đó.

2, Đối với hàng hoá sắt thép, kế toán ghi:

Nợ TK 131	:	3.150.000.000 VNĐ
Có TK 5111A	:	3.000.000.000 VNĐ
Có TK 33311	:	150.000.000 VNĐ

Đồng thời ghi:

Nợ TK 632A	:	2.996.100.000 VNĐ
Có TK 156	:	2.996.100.000 VNĐ

Sau khi định khoản, kế toán tiến hành vào Sổ Nhật ký bán hàng như sau:

Biểu số 25: Nhật ký bán hàng.

Đơn vị: Chi nhánh CTCP Kho vận và DVTM Hải Phòng II

Địa chỉ: Số 52 Trần Khánh Dư, HP

Mẫu số S03a4 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG

Năm: 2008

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu từ người mua (Ghi Nợ)	Ghi Có TK doanh thu			Dịch vụ
	Số hiệu	Ngày tháng			Hàng hoá			
					Sắt thép	Dầu	Khác	
A	B	C	D	1	2.1	2.2	2.3	4
			Số trang trước chuyển sang
31/12	0019056	31/12	Cước tiếp nhận v/c TCty thiết bị điện VN	2.400.000				2.400.000
...
31/12	0019066	31/12	Bán hàng hoá Sắt cho Cty Cp TMĐT Tân Hương	3.000.000.000	3.000.000.000			
			Cộng chuyển sang trang sau

3.3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý công nợ.

Đối với việc lập dự phòng phải thu khó đòi:

Chi nhánh nên lập dự phòng phải thu khó đòi bởi vì hoạt động của Chi nhánh là hoạt động thương mại, hơn nữa Chi nhánh chủ yếu bán chịu cho khách hàng, do vậy khoản phải thu khách hàng của Chi nhánh là cao. Theo báo cáo công nợ của Chi nhánh tại thời điểm 31/12/2008 có tới gần 10% số nợ đã quá hạn thanh toán. Khi Chi nhánh không lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi cho 10% số nợ quá hạn này thì có thể sẽ dẫn đến tình trạng là đến thời điểm các khoản nợ này được liệt vào các khoản nợ phải được xử lý thì Chi nhánh sẽ mất đi một khoản vốn kinh doanh đột ngột mà do không lập dự phòng nên sẽ không có gì để bù đắp vào khoản vốn bị mất ấy, từ đó sẽ dẫn đến tình trạng Chi nhánh bị thiếu hụt vốn kinh doanh. Đây là một điều không tốt đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào đặc biệt là doanh nghiệp kinh doanh thương mại nơi mà nguồn vốn kinh doanh nắm giữ một vai trò vô cùng quan trọng. Do vậy để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, đảm bảo ổn định và chủ động về tình hình tài chính thì việc lập dự phòng phải thu khó đòi là rất cần thiết và thiết thực. Cụ thể, việc lập dự phòng phải thu khó đòi của Chi nhánh nên dựa trên cơ sở Thông tư số 13/2006/TT-BTC hướng dẫn về việc lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Đối tượng và điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi:

Là các khoản nợ phải thu đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác. Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tồn thất.
- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:
 - + Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.
 - + Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã lâm vào tình trạng phá

sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Những khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên coi như nợ không có khả năng thu hồi và được xử lý theo quy định tại điểm 3.4 của Thông tư.

Phương pháp lập dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án, ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.
- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Xử lý khoản dự phòng:

- Khi các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định nêu trên; nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó, thì doanh nghiệp không phải trích lập;
- Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch;
- Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

Xử lý tài chính đối với nợ không có khả năng thu hồi:

Tồn thất thực tế của từng khoản nợ không thu hồi được khoản chênh lệch giữa nợ phải thu ghi trên sổ kế toán và số tiền đã thu hồi được (do người gây ra thiệt hại đền bù, do phát mại tài sản của đơn vị nợ hoặc người nợ, do được chia tài sản theo quyết định của tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác).

Giá trị tồn thất thực tế của khoản nợ không có khả năng thu hồi, doanh nghiệp sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính (nếu có) để bù đắp, phân chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản nợ phải thu sau khi đã có quyết định xử lý, doanh nghiệp phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và ngoại bảng cân đối kế toán trong thời hạn tối thiểu là 5 năm và tiếp tục có các biện pháp để thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc thu hồi nợ, doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập khác.

Sau khi tính toán được khoản trích lập dự phòng, kế toán định khoản các nghiệp vụ phát sinh liên quan như sau:

1, Cuối kỳ kế toán năm, kế toán xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập, kế toán Chi nhánh tiến hành ghi:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

2, Nếu dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, Kế toán ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: Chi phí QLDN (chi tiết hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi)

3, Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được thì được phép xóa nợ, việc xóa nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

Có TK 138: Phải thu khác

Đồng thời ghi bên Nợ TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý

4, Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó thu hồi lại được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111, 112, ...

Có TK 711: Thu nhập khác

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý

Ví dụ cụ thể:

Theo như Báo cáo công nợ của Chi nhánh, Công ty cổ phần Nam Phát có một khoản nợ phát sinh từ tháng 06/2007 do mua hàng hạt nhựa. Trên hợp đồng kinh tế đối với Nam Phát thì khoản nợ này phải được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng tức là thời hạn thanh toán là tháng 07/2007 nhưng trên thực tế thì đến tháng 12/2008 doanh nghiệp này vẫn chưa thanh toán hết nợ. Mặt khác, theo Báo cáo công nợ thì hiện tại doanh nghiệp này đang được đánh giá là khả năng thanh toán thấp do đang trong giai đoạn kinh doanh khó khăn và không tiếp tục mua hàng của Chi nhánh nữa. Vì vậy, kế toán có thể tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với công ty cổ phần Nam Phát như sau:

Do khoản nợ tính đến 01/2009 là hơn 1 năm (17 tháng) nên kế toán được phép trích 50% khoản nợ 306,661,251 VNĐ. Như vậy khoản dự phòng cho năm 2009 của công ty cổ phần Nam phát sẽ bằng:

$$306,661,251 \times 50\% = 153,330,626 \text{ VNĐ}$$

Kế toán sẽ định khoản là:

Nợ TK 642: 153,330,626 VNĐ

Có TK 139: 153,330,626 VNĐ

Trường hợp Chi nhánh có nhiều đối tượng phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi thì kế toán sau khi tính từng khoản trích lập dự phòng cho từng đối tượng thì phải tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Sau khi định khoản, phần dự phòng này sẽ được nhập vào phần mềm kế toán máy thông qua mục C/từ khác trên CADS. Phần mềm sẽ tự động chuyển số liệu vào các sổ sách liên quan như sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK 139,...

Đối với việc áp dụng chiết khấu thanh toán: Ngoài việc lập dự phòng phải thu khó đòi, Chi nhánh cũng nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán. Chiết khấu thanh toán cho người mua hàng hoá dịch vụ là khoản tiền mà khách hàng được hưởng do thanh toán trước hạn theo thoả thuận khi mua hoặc bán để thúc đẩy khách hàng thanh toán tiền hàng sớm, tránh bị chiếm dụng vốn kinh doanh. Tùy vào đối tượng và thời hạn thanh toán mà Chi nhánh có thể đưa ra các tỉ lệ phần trăm (%) chiết khấu phù hợp.

Chiết khấu thanh toán được phản ánh vào TK 635 - Chi phí tài chính như sau:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính (chiết khấu thanh toán cho khách hàng hưởng)

Có TK 131, 111, 112,...

Cuối kỳ, kết chuyển tổng các khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính (chiết khấu thanh toán cho khách hàng)

Ví dụ cụ thể:

Ngày 15/12, Chi nhánh bán dầu cho DN tư nhân Nguyễn Thành Đạt theo hoá đơn GTGT số 0019039 với tổng giá thanh toán là 9,289,280 VNĐ. Thời hạn thanh toán trên hợp đồng là 30 ngày kể từ ngày nhận hàng nhưng doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Thành Đạt thanh toán trước hạn 20 ngày. Trong trường hợp này, Chi nhánh nên cho Nguyễn Thành Đạt hưởng khoản chiết khấu do thanh toán sớm.

Thông thường, tỉ lệ chiết khấu thanh toán được áp dụng là từ 1 % đến 2% trên tổng giá thanh toán. Theo ví dụ trên, Chi nhánh nên áp dụng tỉ lệ chiết khấu là 1% tức là:

$$9,289,280 \times 1\% = 92,893 \text{ VNĐ}$$

Kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 635: 92,893 VNĐ

Có TK 131: 92,893 VNĐ

Sau khi định khoản, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán thông qua mục C/từ khác trên CADS. Phần mềm sẽ tự động chuyển số liệu vào các sổ sách liên quan như sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK 635,...

Chọn F7 để in ra sổ Cái TK 635 như sau:

Biểu số 26: Sổ Cái TK 635

**CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II
SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày: 31/12/2008
Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Chứng từ		Trích yếu	TK ĐƯ	Số tiền	
		Dư đầu			
		Tổng phát sinh		606.883.681	606.883.681
		Dư cuối			
...
29/02	PC02/53	Trả tiền lãi vay tháng 2/2008	1111	4.760.060	
...
30/06	HPK06/17	Phân bổ chi phí trả trước vào chi phí tháng 6/2008	1421	395.000.000	
...
25/12	HPK12/13	Chiết khấu thanh toán cho Nguyễn Thành Đạt	131	92.893	
...
31/12	HPK12/19	Kết chuyển chi phí tài chính 2008	911		606.883.681

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

3.3.3. Giải pháp hoàn thiện kế toán chiết khấu thương mại.

Từ những hạn chế đã nêu đối với việc áp dụng các khoản giảm trừ doanh thu xét thấy Chi nhánh nên sử dụng thêm tài khoản 521. Cụ thể, đối với chiết khấu thương mại - TK 521, Chi nhánh nên có chính sách cho khách hàng hưởng một khoản chiết khấu khi mua với số lượng lớn để khuyến khích khách hàng mua hàng hoá dịch vụ nhiều hơn. Điều này sẽ làm tăng lượng hàng hoá dịch vụ bán ra từ đó sẽ tăng doanh thu bán hàng hoá dịch vụ. Tuy các khoản giảm trừ doanh thu cũng sẽ tăng nhưng phần tăng doanh thu sẽ lớn hơn phần tăng của các khoản giảm trừ từ đó sẽ làm tăng doanh thu thuần của Chi nhánh.

Do sử dụng phần mềm kế toán máy nên để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan kế toán nên định khoản rồi vào phần C/từ khác để nhập dữ liệu vào sổ kế toán máy. Kế toán nên định khoản như sau:

1, Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 521: Chiết khấu thương mại

Nợ TK 33311: Số thuế GTGT phải nộp

Có các TK 111, 112, 131,...

2, Cuối kỳ, kết chuyển số chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua phát sinh trong kỳ sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521: Chiết khấu thương mại

Ví dụ: Với hoá đơn GTGT số 0019069 ngày 31/12/2008 bán sắt thép cho công ty cổ phần thương mại đầu tư Tân Hương. Số lượng là hơn 1487 tấn, cộng giá trị hàng hoá lên tới 15,725,878,750 VNĐ, mặt khác Tân hương lại là một khách hàng lâu năm của Chi nhánh. Trong trường hợp này, Chi nhánh nên cho Tân Hương hưởng một khoản chiết khấu thương mại để giữ chân khách hàng đồng thời khuyến khích khách hàng mua với số lượng lớn lần sau.

Tuỳ vào chính sách thương mại của Chi nhánh và trường hợp cụ thể mà quy định phần trăm (%) chiết khấu thương mại. Như với trường hợp này, do giá vốn của hàng bán cũng lên tới 15,655,465,000 VNĐ nên phần trăm chiết khấu thương mại sẽ là 0.1%. Như vậy, khoản chiết khấu là: $15,725,878,750 \times 0.1\% = 15,725,879 \text{ VNĐ}$

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 521 : 15,725,879 VNĐ

Nợ TK 33311 : 786,294 VNĐ

Có TK 131: 16,512,173 VNĐ

Cuối kỳ, thực hiện kết chuyển chiết khấu thương mại:

Nợ TK 511 : 15,725,879 VNĐ

Có TK 521: 15,725,879 VNĐ

3.3.4. Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Do Chi nhánh không tiến hành hạch toán giá vốn đối với dịch vụ cung cấp cụ thể là dịch vụ cho thuê kho nên các chi phí liên quan đến dịch vụ phát sinh thì kế toán Chi nhánh đưa vào Chi phí quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên dịch vụ cho thuê kho đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp thì Chi nhánh lại không theo dõi chi tiết trên tài khoản con mà lại hạch toán chung vào TK 642. Vì vậy, Chi nhánh nên mở sổ Chi tiết TK 642A để theo dõi riêng các chi phí liên quan đến dịch vụ cho thuê kho, còn sổ Chi tiết TK 642D sẽ theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp nói chung.

Phần này kế toán Chi nhánh có thể sử dụng phần mềm kế toán máy để theo dõi, thao tác thực hiện tương tự như với sổ Chi tiết các TK 641A1, 641A2,..

Biểu số 26: Mẫu sổ Chi tiết TK 642A

CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày:31/12/2008

Tài khoản 642A - Chi phí thuê kho

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ'	PS nợ	PS có
...
-----	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	Tổng cộng	-----	-----	-----

Ví dụ cụ thể:

Ngày 31/12/2008, Chi nhánh tiến hành trích khấu hao kho số 2 và kho số 6 Đoạn xá hiện đang cho thuê với giá trị trích khấu hao là 9.246.476 VNĐ.

Kế toán lập Phiếu kế toán khác để phản ánh khoản trích khấu hao này. Kế toán vào phần C/từ khác trên màn hình làm việc của phần mềm CADS rồi làm các thao tác tương tự như với những phiếu kế toán đã trình bày ở trên.

Rồi in ra sổ Chi tiết TK 642A như sau:

Biểu số 34: Sổ Chi tiết TK 642A

CHI NHÁNH CÔNG TY CP KHO VẬN & DVTM HẢI PHÒNG II

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2008 đến ngày:31/12/2008

Tài khoản 642A - Chi phí thuê kho

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	PS nợ	PS có
...
31/12	HPK12/08	Trích khấu hao TSCĐ vào chi phí tháng 12/2008	214	9.246.476	
...
		Tổng cộng

KẾT LUẬN

Kế toán có một vai trò quan trọng đối với công tác quản lý kinh tế, bao gồm cả quản lý kinh tế vĩ mô và vi mô. Đặc biệt, trong điều kiện phát triển không ngừng của nền kinh tế thị trường hiện nay thông tin kinh tế giữ một vai trò quan trọng. Nó quyết định sự thành công hay thất bại của các hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, để đảm bảo có thể thường xuyên nắm bắt được mọi thông tin kinh tế trong nội bộ doanh nghiệp và không ngừng nâng cao vai trò của kế toán đối với công tác quản lý thì một điều quan trọng trước tiên là phải tổ chức thật tốt công tác kế toán.

Trong điều kiện hiện nay, cạnh tranh trên thị trường diễn ra ngày càng gay gắt, kết quả kinh doanh của mỗi doanh nghiệp có tính chất quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp đó. Vì vậy, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh càng phải được tổ chức tốt, đảm bảo phản ánh, ghi chép một cách đầy đủ, chính xác tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp nhằm nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Quá trình thực tập tại Chi nhánh công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II, em nhận thấy công tác tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở Chi nhánh thực hiện khá đầy đủ, đúng chế độ tài chính kế toán do Nhà nước quy định và đảm bảo cung cấp thông tin theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế nhất định. Để kế toán thực sự là công cụ quản lý không thể thiếu, Chi nhánh nên tiếp tục hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Vận dụng những kiến thức đã được tiếp thu ở trường kết hợp với thực tế tại Chi nhánh em đã nêu một số nhận xét cũng như đề xuất với mong muốn đóng góp một phần vào việc hoàn thiện công tác kế toán của Chi nhánh và nâng cao hiệu quả của công tác quản lý.

Do thời gian có hạn và trình độ còn hạn chế nên bài viết không tránh khỏi những khiếm khuyết. Em mong nhận được các ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để đề tài của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn Ths. Trần Thị Thanh Phương và các cô chú, anh chị phòng Hành chính tổng hợp Chi nhánh đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn em hoàn thành bài luận văn này.

Sinh viên

Ngô Thị Duyên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1

Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính - Nhà xuất bản Lao động xã hội - Năm 2006.

2. Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2

Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính - Nhà xuất bản Lao động xã hội - Năm 2006.

3. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính

TS Nguyễn Văn Công - Nhà xuất bản Tài Chính - Năm 2006.

4. Các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

5. Website: Webketoan.com

Danketoan.com

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1	
LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	3
1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 3	
1.1.2. Các loại hoạt động kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	4
1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	5
1.3. Sự cần thiết của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	6
1.4. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	7
1.4.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.	7
1.4.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.	28
1.4.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu và chi phí hoạt động khác trong doanh nghiệp.....	31
1.4.4. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	33
CHƯƠNG 2	35
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HẢI PHÒNG II	35
2.1 Khái quát chung về Chi nhánh công ty cổ phần Kho Vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.	35
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Chi nhánh.	35
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.	36

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Chi nhánh CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.	37
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Chi nhánh CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.	39
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II... 42	
2.2.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II... 42	
2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Chi nhánh.	60
2.2.3. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động khác tại Chi nhánh CTCP Kho vận và DVTM Hải Phòng II.	64
2.2.4. Tổ chức công tác kế toán Xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh.	67
CHƯƠNG 3	
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HẢI PHÒNG II.....	72
3.1. Định hướng phát triển tại Chi nhánh.....	72
3.2. Đánh giá về thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.	74
3.2.1. Kết quả đạt được.	74
3.2.2. Hạn chế.....	77
3.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II.	79
3.3.1. Giải pháp hoàn thiện tổ chức hệ thống sổ kế toán.	79
3.3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý công nợ.	83
3.3.3. Giải pháp hoàn thiện kế toán chiết khấu thương mại.	88
3.3.4. Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	90
KẾT LUẬN	92